

ĐẦU-TIẾP
UYỄN - VĂN - ĐỀ
s o a n



KHÁI-SINH
DƯƠNG - TỰ - QUẢN
d u y ê t



ĐỒI TÀI-HOA

*Tập lịch-sử lý-ký nhất
của cụ thủ-khoa Nguyễn-Hàm-Ninh,
bạn đồng bệnh của ông Cao-Bá-Quát*



HIỆU SÁCH ĐÔNG-TÂY
195, Hàng Bông, HANOI
XUẤT-BẢN

1 9 3 8

IN LẦN THỨ NHẤT

Giá bán : ● \$ 35



CÙNG ĐỌC, CÙNG CHIA SẺ

Tên sách : ĐỜI TÀI-HOA

Soạn giả : ĐẦU-TIẾP NGUYỄN-VĂN-ĐỀ

Đọc duyệt : KHÁI-SINH DƯƠNG-TỰ-QUÁN

Nhà xuất bản : HIỆU SÁCH ĐÔNG-TÂY

Năm xuất bản : 1938

Nguồn sách : tusachtiengviet.com

Đánh máy : Đỗ Trung Thực

Kiểm tra chính tả : Trần Ngô Thế Nhân, Nguyễn Văn Huy,
Ngô Thanh Tùng

Biên tập chữ Hán-Nôm : Dương Nhật Xuân

Biên tập ebook : Thư Vĩ

Ngày hoàn thành : 07/10/2019

**Ebook này được thực hiện theo dự án phi lợi nhuận
« SỔ HÓA 1000 QUYỂN SÁCH VIỆT MỘT THỜI VANG
BÓNG » của diễn đàn TVE-4U.ORG**

**Cảm ơn soạn giả ĐẦU-TIẾP NGUYỄN-VĂN-ĐỀ, KHÁI-
SINH DƯƠNG-TỰ-QUÁN và HIỆU SÁCH ĐÔNG-TÂY đã
chia sẻ với bạn đọc những kiến thức quý giá.**

MỤC LỤC

MẤY LỜI GIỚI-THIỆU

I. LỊCH-SỬ CỤ

II. TÁC-PHẨM CỦA CỤ

III. CHUYỆN CỤ VỚI ÔNG CAO-BÁ-QUÁT

IV. ÔNG TÙNG-THIỆN-VƯƠNG VỚI CỤ

V. CỤ VỚI CÁC BÀ CHÚA THƯỜNG-SƠN, LẠI-ĐỨC

VI. TỰ TÍCH CỦA CỤ

VII. PHẢN THÚC-ƯỚC

ĐẦU-TIẾP NGUYỄN-VĂN-ĐỀ soạn
KHÁI-SINH DƯƠNG-TỰ-QUÁN duyệt

ĐỜI TÀI-HOA

Tập lịch-sử ly-kỳ nhất của cụ thủ-khoa Nguyễn-Hàm-Ninh,
bạn đồng bệnh của ông Cao-Bá-Quát

HIỆU SÁCH ĐÔNG-TÂY

195, Hàng Bông, HANOI

XUẤT-BẢN 1938

IN LẦN THỨ NHẤT

Giá bán : **0\$35**

MẤY LỜI GIỚI-THIỆU

Nếu có một tấm bia kỷ-niệm ghi tên các bậc đại văn hào nước ta đã sống vào khoảng Minh-Mệnh, Thiệu-Trị, Tự-Đức, thì giữa đó ta sẽ thấy lòe vàng mấy chữ : Đinh-Nhật-Thận, Nguyễn-Công-Trứ, Nguyễn-Văn-Siêu, Cao-Bá-Quát, Tùng-Thiện-Vương và Tuy-Lý-Vương... à quên, tôi còn kể sót một người !... Người ấy chưa biết nên để đứng xen vào hàng nào trong mấy hàng đó ? Vì người ấy đã từng đem văn tài sang khoe tận bên nước « con Trời », vì người ấy đã làm cho dân « con Trời » – cũng như « con Rồng » « cháu Tiên » ta – đều phải kính phục, tôn xưng lên bậc trượng, tặng cho cái « danh-dự trượng-nguyên » ¹ Người ấy là ai ? Há không phải là cụ Nhâm-Sơn Nguyễn-Hàm-Ninh mà ông Đẩu-Tiếp Nguyễn-Văn-Đề đã có công nêu lên ở trong tập « Đời tài-hoa » này ư ?

Tôi biết ông Đẩu-Tiếp từ ngày còn chủ-trương tờ Văn-học tạp-chí : ông là người rất sốt sắng về sự sưu tầm các văn thơ của các cụ nước ta ngày xưa.

Nếu tập « Đời tài hoa » của ông nhờ tôi duyệt và xuất bản đây mà được các nhà trí thức trong nước biết đến thì cái công của ông không phải uổng vậy.

Hanoi, ngày 7 Février 1938

**KHÁI-SINH
DƯƠNG-TỰ-QUÁN**

I. LỊCH-SỬ CỤ

Cụ húy Hàm-Ninh, tự Thuận-Chi, biệt-hiệu Tịnh-Trai, Anh-toàn-tử, nguyên người làng Phù-Kinh, sau thiên-cư qua Trung-Ái (Trung-Thuần), phủ Quảng-Trạch, tỉnh Quảng-Bình (Trung-Kỳ).

Người ta đồn rằng cụ là một bậc thần-đồng. Khi cụ chưa sinh, những lúc canh khuya đêm vắng, trên hòn lèn Bảng, người ta thường thấy một ngọn đèn leo-lét thắp dưới một gốc cây, xa nghe văng vẳng có tiếng người đọc sách. Khi cụ đã lọt lòng rồi, tiếng đọc sách ấy, cũng như ngọn đèn kia, không còn nghe thấy đâu nữa, họa chăng ở nhà cụ... Nhưng kịp lúc cụ đã trở về cỗi tuổi làng mây, trên lèn Bảng tự-nhiên ngọn đèn khuya lại thấy, tiếng đọc sách lại nghe, nhưng ít lâu lại im-lặng. Đồng-thời, cụ Lê-chí-Tuân (Tấn-sĩ, người Lâm-Xuân) ra đời, nên có kẻ ước-đoán rằng : Người tiên trên lèn Bảng hai lần thác-sinh xuống cỗi trần, sau là cụ Lê-chí-Tuân mà trước là cụ Nguyễn-hàm-Ninh đó vậy.

Lạ nhỉ ? Không biết lấy gì để làm chứng cho cái thông-minh xuất-chúng của cụ, sao người ta phải bịa ra những chuyện dị-đoan ấy làm gì ?

Theo chúng tôi, thì cụ chỉ là một đứa con yêu-quí của hai vợ-chồng nhà nông nọ, ở dưới chân núi Chóp-Chài, bên ngọn nước Khe Dang kia.

Không tiền, thửa nhỏ cụ thân-sinh định không cho đi học. Một hôm, có người bà con đem đến cho cái bánh, ngài

đùa rằng trong nhà hễ ai lớn hơn cả thì được. Cụ hỏi : « Thế thầy tuổi gì ? »

- Tuổi Mùi.
- Thế mẹ tuổi gì ?
- Tuổi Thân !

Cụ cười : « Thế thì cái bánh về phần con, con tuổi Thìn, Thìn đã, rồi mới đến Tị, Ngọ, Mùi, Thân, Mậu, Dậu, chứ ? »

Biết con là bậc thông-tuệ phi-thường, cụ thân mới cho cấp sách đến trường học phóng. Song cửa nhà đơn bần quá chừng, chưa được mấy tháng, cụ lại phải bỏ học trở về giúp đỡ việc nhà. Mãi đến năm 15 tuổi, nhờ có người cô ruột là bà Nguyễn-Húc, một tay cự phú trong làng, không con nên mới xin cụ đem về nuôi cho ăn học. Cụ mới được chuyên-nghiệp tàng-tu từ đó. « Một nét chữ, một câu thơ, chỉ suy học một đã dư biết mười », một câu thơ ấy, không biết đã đủ để diễn-tả tài học của cụ được chưa ?

Các ngài đã từng nghiệm thấy chẳng ? Những người như cụ, thuở bé đều là những tay tinh nghịch cả đấy ! Người ta thường thuật rằng : một hôm, trong một quán rượu ở chợ Ba-Đồn, một cô kỹ-nữ người Thổ-Ngọ, cô Bình, đương cùng thầy cử người Di-Luân, bên lời tâm-phúc, bên lời hàn-huyên. Thoạt thấy cụ ở đâu vào, thầy cử muốn làm cách tàng lờ để chữa thẹn, liền đón hỏi : « Thế nào ? Mấy lâu anh có bài gì hay ? Đọc nghe ! »

Cụ Nguyễn : « Thừa không, song nếu tiên-sanh hạ-cổ đến, muốn nghe văn tôi, thì xin đọc ngay một bài phú tức-cảnh để hầu Tiên-sinh ».

Thầy cử : « Được, tốt lắm, anh cứ đọc ».

Cụ Nguyễn :

*« Thầy cử Di-luân,
Cô Bình Thổ-ngọ ;
Hai bên gập-gõ thờ-ơ,
Một quán chuyện-trò thong-thả... »*

Thầy cử gượng cười : « Hay, rất hay ! »

Cụ Nguyễn : « Trầu đầy đay, nhai-nhai nhả-nhả, trỏ bà già « chi » lấy chìa vôi. Thuốc đầy bao, nút-nút châm-châm, quát thẳng bé « chi » đem chút lửa (lửa) ».

Thầy cử vuốt râu : « Hay, rất hay !

Cụ Nguyễn : « Khăn tay hồng đỏ-chói, vắt lên che đen kịt « chi » hàm râu ; Quần lãnh buổi lảng-xây, thả xuống phủ trắng bong « chi » cổ vả !... »

Thầy cử đỏ mặt : « Khăn tay sao lại đổi quần lãnh, hàm râu sao lại đổi cổ-vả ? À ra thẳng này xác thật ! »

Sau câu nói ấy, sẽ xảy ra sự gì, bạn đọc thử đoán, mà bài phú kia làm đến nửa chừng cụ đành phải bỏ dở !

Lại một lần, cụ lên chơi ở tỉnh lỵ cùng mấy người bạn, bên đường thấy một mỹ-nữ đi qua, cụ liền đọc luôn mấy câu : « Con nhà ai ? Đi đâu đó ? Gò má hồng-hồng ; dây lưng đỏ-đỏ. Nhìn qua phong-dạng, ước mười bảy, mười tám mô chừng ; Ngó lại hình-dung, e cô hai cô ba chi nhỏ. Ước chỉ được như vậy... như vậy... ; Mà rứa... mà rứa... « giả tai » ! »

Lại một lần, có người quen biết trong làng đi cưới vợ ở Tượng-Sơn, cụ cũng được mời đi. Qua bến Kênh-Kịa, cụ đi sau, thoát thấy cả đoàn đứng lại, rồi tin từ phía trước đem đến : « Câu đối, họ ra câu đối ! » Cụ liền chạy lên trước đoàn, thấy các bức đàn anh đương đứng ngơ-ngẩn trước một mảnh giấy hồng, trải-trên một cái hương-án mà người ta đặt chắn ngang đường để đòi nộp cheo. Cụ vội-vàng cầm mảnh giấy lên xem : « Chân giậm tay mò bơn hói Kịa » ². Biết câu đối ra lỡm, cụ cũng đối lỡm lại : « Má kể miệng ngậm bóng khe Dang » ³.

Tài mẫn-tiếp, sức thông-minh của cụ như thế, thảo nào mới sau 6 năm nghiên-bút dùi-mài, mà đến năm 1829 (Kỷ-Sửu) vừa 22 tuổi, cụ đã giật được cái Tú-tài và qua năm 1831 (Tân-Mão) cụ đậu giải-nguyên ! Năm ấy cụ vào Giám. Năm sau cụ đi Hậu-bổ Nghệ. Cách mấy tháng, cụ đối ra Tri-huyện Lục-Ngạn (Bắc-Giang). Năm 1833, Quý-Tị, ông thân qui-tiên, cụ phải về đình-gian ⁴. Quan huyện Đường-Hào là bạn đồng khoa, đồng liêu, lại tình đồng châu đồng quận, có tiền cụ bài thơ :

客秋君我相攜往
今秋君向別吾歸
德水甘江天若遠
他鄉故郡月分輝
陪顏昨夜知多苦
屈指來秋未可期
忠孝古來男子事
可堪初度遇相知

*Khách thu quân ngã tương hòe vãng
Kim thu quân hướng biệt ngô qui
Đức thủy Cam giang thiên nhược viễn
Tha hương cố quận nguyệt phân huy
Bồi nhan tạc dạ tri đa khổ
Khuất chỉ lai thu vị khả kỳ
Trung hiếu cố lai nam tử sự
Khả kham sơ độ ngô tương tri.*

Dịch : (Các bản dịch trong tập này, đều do ông Nguyễn-Văn-Đề phiên-dịch)

*Cùng nhau thu trước cặp tay đi,⁵
Sao vội thu nay dứt áo về ?
Dường ngái sông Cam trời bến Đức,⁶
Chung soi đất khách nguyệt làng quê.
Lời trao hôm diệp âu thêm bận,
Tiệc hẹn năm sau đã dễ gì ?
Trung-hiếu đạo trai đành phải thế,
Buổi đầu may gặp bạn tương-tri.*

Ở nhà cư-tang được ít lâu, vì sinh-kế cụ đã phải tìm vào Thanh-Toàn (Huế) hỏi nơi dạy học. Bấy giờ gặp khoa Giáp-Ngọ (1834), trong quán nước, cụ ngồi một mình trên bộ ngựa (ván), các thí sinh, những ai đã từng biết cụ, đều khúm núm đứng chực hai bên. Một anh chàng lạ mặt, từ đâu đến, thấy thế liền cười : « Chào thầy tú ! », vì có tú-tài mới đến kinh-đô để hòng giựt cái cử-nhân, chớ cử-nhân hay tấn-sĩ mấy ai qua đó, quanh quẩn ở ngoài trường thi làm gì ? « Ngư mục hộn châu » là thế ! Không lẽ cụ đành lặng

thình để cho người ta xem thường hay sao ? Cụ liền đáp lại :

我爲尋師萬里來
嶺南先占百花魁
蓬萍客地誰青眼
幸得君今說秀才

*Ngã vị « tầm sư » vạn lý lai
Lãnh-nam tiên chiếm bách hoa khôi
Bồng bênh khách-địa thùi thanh nhạn
Hạnh đắc quân kim thuyết tú-tài*

Dịch :

*Vì kẻ tìm thầy đến đấy chơi,⁷
Non Nam tăng tỏ mặt hoa khôi.
Bơ-vơ đất khách ai tri-kỷ,
May được nhà ông nói tú-tài !*

Nghe xong mấy vần thơ ấy, biết là một bậc kỳ-tài, người kia liền theo xin lỗi, sụp xuống lạy và ngỏ ý muốn, tôn cụ làm thầy, rước về nhà ngồi dạy !...

Đóng vai ông đồ mãi đến năm 1836 (Bính-Thân) cụ mới được đức Minh-Mạng vời ra làm quốc-học độc-thư. Năm 1838 (Mậu-Tuất) đổi qua Tôn-nhơn-phủ Chủ-sự. Chính trong lúc lên giữ chức ấy, cụ được thấy trên điện Thái-Hòa sáng rực hai câu đối sơn son thiếp vàng :

子能承父業
臣可報君恩

Tử năng thừa phụ-nghiệp

Thần khả báo quân-ân

Dịch : *Con thừa được nghiệp cha, tôi trả tròn ơn chúa.*

Cụ liền lấy bút phê vào bên cạnh : « Tồi hảo ! Tồi hảo ! Cương thường điên-đảo. Thần Nguyễn-hàm-Ninh phụng khải ». Nghĩa là : « *Hay tuyệt ! Hay tuyệt ! Song cương-thường-ngược hết ! Thần : Nguyễn-hàm-Ninh phụng-duyet* ».

Sau Vua Minh-Mạng nhìn thấy, triệu cụ vào, hỏi sao dám bảo « cương thường điên đảo » ? thì cụ tâu rằng vì chữ tử đứng trước chữ phụ, chữ quân nằm sau chữ thần. Ngài bắt cụ chữa lại, thì cụ đọc :

父業子能承

君恩臣可報

Phụ nghiệp, tử năng thừa

Quân ân, thần khả báo

Dịch : *Nghiệp cha, con thừa được ; ơn chúa, tôi trả tròn.*

Ấy, chỉ đem lên đem xuống mấy chữ, mà câu văn rõ già hẵn lên, làm cho Đức Minh-Mạng, đã sẵn lòng phục cụ, lại càng phục thêm ! Nhưng càng được Vua sủng-hạnh, cụ lại càng « quá lắm », coi các « ông lớn » trong triều không ra gì. Có một « ông lớn » nào đó, người lùn, sinh được cậu giai, cụ cả gan đi mừng bài thơ mà hiện nay còn nghe truyền-tụng hai câu :

不願吾兒大過人

但願吾兒如父親

*Bất nguyên ngô nghi đại quá nhân
Đã nguyên ngô nhi như phụ thân...*

Dịch :

Con ta lọ ước lớn hơn ai.

Ước được bằng, cha đã chán chơi...

Chòi người ta tận đến xương tủy như thế, bảo họ không ghét sao được ? Bảo họ không tìm cách mà làm hại mình sao được ? Há chẳng phải vì vậy mà năm 1840 (Canh-Tí) tức là năm Minh-Mạng 21, không rõ người ta đã nhân cơ gì mà mời cụ lui về đó ư ?

Cất xong một cái thảo-đường ở Khe Cừ, chỗ Vua Chiêm-Thành đóng đô thừa trước, cụ có 3 bài thơ tức-sự :

I.

山外寒溪溪外山
百城富貴草三間
開窗清曉看雲起
出郭斜陽羨鳥還
園樹池魚縈活計
藜羹樣飲駐韶顏
旁人莫訝歸來早
一日歸來一日閒

*San ngoại hàn Khê, Khê ngoại san
Bách thành phú quý thảo tam gian
Khai song thanh hiếu khan vân khởi
Xuất quách tà dương tiện điệu hoài
Viên thụ trì ngư oanh hoạt kế*

*Lê canh tượng phạn trú thiêu nhan
Bàng nhân mặc nhạ qui lai tảo
Nhứt nhật qui lai nhứt nhật nhàn.*

Dịch :

*Đồi bên kia suối, suối bên đồi,
Phú-quí nền xưa cỏ một chồi.
Mây sớm dậy trời bay cửa trước,
Chim hôm về tổ ruổi thành ngoài.
Quả vườn cá ruộng nhờ lộc đất,
Cơm tượng canh lê trẻ đáng người.
Lui được ngày nào, ngày ấy khỏe,
Cùng ai, ai hỡi chớ cười ai !*

II.

古壘平雨四面山
村煙藹藹翠微間
草肥牧笛吹風去
禾長農策簑帶霧還
吟到園林無俗韻
醉同親故足歡顏
歲寒早結松筠侶
飲谷棲邱自在閒

*Cổ lũy bình vũ tứ diện san
Thôn yên ái ái thúy vi gian
Thảo phì mục địch xuy phong khứ
Hòa trưởng nông soa đái vụ hoàn
Ngâm đáo viên lâm vô tục vận
Túy đồng thân cố túc hoan nhan*

*Tuế hàn tảo kết từng nhuân lự
Ẩm cốc thê khâu tự tại nhàn*

Dịch :

*Bằng ri lự cũ núi tư bề,⁸
Đỉnh núi xanh xanh ngọn khói quê
Đồng cỏ hơi xuân còn thoảng rảo,
Ruộng chiêm mùa ngọc nẩy mang về,⁹
Ngâm cùng chim suối, nghe tao nhỉ !
Say bởi người nhà rõ thú ghê !
Trời lạnh, bạn « từng » đi lại sớm,
Mặc dòng khe nức, đỉnh non kê !*

III.

把却初衣托故山
北窗數酌誦人間
不緣世路多疎拙
未必園慮數往還
野鳥無機辰對語
溪花有主爲開顏
百年通塞何須問
一枕薰風午夢閒

*Bả khước sơ y thác cố san
Bắc song số chúc tụng nhân gian
Bất duyên thế lộ đa sơ chuyết
Vị tất viên lô sắc vãng hoàn
Dã điều vô cơ thời đối ngữ
Khê hoa hữu chủ vị khai nhan
Bách niên thông tắc hà tu vấn*

Nhứt chẳm huân-phong ngộ mộng nhàn

Dịch :

Áo mũ trả đi, núi cũ về,

« Say nằm song bắc » chuyện còn nghe ¹⁰

Phải vì đường thế nhiều sơ-sốt ?

Nào chắc vườn tiên mãi tiếng ve !

Chim nội biết ai « mồm » mách lẻo ?

Hoa khe thấy chủ mặt tươi lòe !

Việc đời thua được chi thềm kể !

Một giấc ngơi trưa, ngọn gió hè ! ¹¹

Trong bài thơ vừa đọc, thấy có câu cụ tỏ rằng biết đâu cụ cứ lẩn khuất mãi trong cõi yên hà, chẳng có ngày lại ra lo việc nước. Mà thật thế, buổi cụ treo ấn ra về, Đức Minh-Mạng đã bảo thăm cụ rằng : Khanh cứ về thăm nhà trong ít lúc, Trẫm sẽ chiêu dụng lại !... Không dè chẳng bao lâu ngài đã không còn nữa. May nhờ có Đức Thiệu-Trị là học trò của cụ, nên một khi trò lên giữ ngôi báu, ngày 20 tháng Giêng năm Tân-Sửu (1841), thì chiều ngày ấy, liền chạnh nghĩ đến thầy, lập tức hạ chỉ cho bộ Lại : « Tra Nguyễn-hàm-Ninh quán chỉ hà tại, tức hành khởi phục nhập các » (xét ông Nguyễn-hàm-Ninh ở đâu, lập tức cho khởi phục mà triệu vào các). Giấy bộ tư về làng, thì bấy giờ cụ đã đi chơi đâu ngoài Bắc rồi. Bộ phải tư cho các tỉnh từ Hà-Tĩnh trở ra, hễ đâu có cụ thì phải « lập tức lai kinh hậu-chỉ ». Cụ ở Hà-Nội được tin ấy, lại nghe Đức Thiệu-Trị đi Bắc tuần, cụ liền chạy vào đón ngài tại Vinh, và về triều theo ngài, sung chức nội-các hành-tầu :

野外秀才齊天大聖
部中行走陸地神仙

*Dã ngoại Tú-tài, Tề-thiên Đại-thánh
Bộ trung Hành-tẩu, lục địa Thần-tiên*

Tú-tài ở làng, to như Tề-thiên Đại-thánh, Hành-tẩu trong bộ, khỏe như lục-địa Thần-Tiên. Đó là lời ngự-phê trong tờ chỉ bổ cụ vào Nội-các vậy. Cụ được phép vào ra tự-do trong Các. Vì Đức Thiệu-Trị là bậc hiếu-văn, ông nào không có văn-danh thì đã dễ được gần-gũi ngài ! Song cụ Nhâm-Sơn ta càng năng được gần-gũi ngài, thì lại dễ sinh ra lờn mặt. Lấy thi-văn mà làm cho ngài kính-phục còn chưa đủ sượng, cụ lại còn tìm cách mà trêu-gheo ngài nữa ! Chứng cứ ? Thì một hôm, Vua Thiệu-Trị vi-hành qua miền bến Ngự, gặp trận mưa to, ngài phải chạy vào một nhà thợ nhuộm bên đường. Mưa ngớt, ngài ra về, có tặng lại chủ nhà một câu đối. Cụ Nguyễn-hàm-Ninh há không biết rằng câu đối ấy là của Vua mình ? Tuy vậy : khi vào trực, làm ra bộ nghiêm-nghị lắm, cụ vẫn kêu : Hạ-thần đi qua nhà tên kia... ở xứ nọ... trước cửa thấy có dán câu đối :

天地玄黃都我手
朝廷朱紫總吾門

*Thiên địa huyền-hoàng đô ngã thủ,
Triều-đình chu-tử tổng ngô môn.*

Dịch :

*Đen trời vàng đất nhờ tay mỗ, ¹²
Mũ tía xiêm điều chạt cửa ông.*

Hỏi câu đối của ai làm, chủ nhà bầm răng của một thằng lạc-phách nào ở phương xa đến. Kẻ hạ-thần này cứ như khẩu-khí trong câu đối ấy mà xét, thì phải quyết rằng tác-giả nó là một tay ghê-gớm, nếu mạng ấy không làm Vua được thì cũng làm giặc. Vậy ngửa trông thánh-thượng lập tức hạ-lệnh cho truy-nã hẩn về mà giết ngay đi, đề phòng hậu-hoạn, chẳng thế, thì chỉ còn một cách này là đành nhường ngôi báu lại cho nó ; mới mong giữ vẹn cuộc thái-bình cho muôn dân !... Lời tâu ấy, buộc nhà Vua phải thú thật với cụ : « Thị Trầm chỉ sở tác, Khâm thử ! » (của Trầm làm đó ! Kinh lấy !).

Tuy ngài vẫn thừa biết rằng cụ muốn chọc tức mình chơi, nhưng trong chỗ văn tự, ngài không lấy đó làm điều. Đoạn này phải khen Đức Thiệu-Trị là người có óc mới : Vua cũng là người, đối với kẻ làm tôi phải xem như anh em ruột, khi buồn cùng toan lo chống đỡ, khi vui cùng giỡn-cợt nô-đùa, mỗi tình thân-ái có thể mới thêm khăng-khít bền chặt. Ở Âu-tây, kẻ thiết-cốt thường « tao-mi » với nhau, cũng bởi lẽ ấy. Vậy đức Thiệu-Trị không giận cụ Thuận-Chi ta là phải. Nếu có, thì sao cụ ở Nội-các chưa bao lâu, mà qua năm 1845 (Ất-Tị), cụ được thăng Hình-bộ Phó-lang, rồi đổi sang cần-tín ti Viên-ngoại, và năm sau lại thiên Lại-Lệ nhị bộ Lang-Trung ? Như thế, mà chừng như đức Thiệu-Trị vẫn nghĩ rằng chưa đủ để tỏ tấm lòng ân-cần quyến-chú của ngài đối với một bậc danh-nho ; ngài lại phải vội vàng trở đường chỉ nẻo cho cụ lập công, để sau ngài sẽ bạt dụng, trao cho cụ cái chức gì cho xứng đáng với tài : Cụ ngồi vào

ghế Lang-Trung chưa được yên chỗ, thì mùa đông năm ấy (1846) ngài đã bỏ cụ vào làm Án-sát tại tỉnh Khánh-Hòa !

Cụ vừa đáo-nhậm được đâu trong vòng một tháng thì một hôm nọ thấy có hai người Tàu xin vào yết kiến. Người đi trước, tự xưng là một vị hữu-quan, đi du-lịch, nghe tiếng cụ là một nhà học-giả trứ danh, nên ghé vào thăm, còn người đi sau, tuy đến bây giờ cụ mới biết là bà con của người kia, nhưng hẩn là ai, làm nghề gì thì cụ đã thừa biết từ lâu. Chính gã này buổi cụ còn ở Nội các, hẩn có đem sang bán một ghe sách, nghe đâu toàn là sách quý lạ, có bộ dày đến mấy trăm chương, giá những 30 lạng bạc, Đức Thiệu-Trị bèn bảo cụ ra xem thử hay dở thế nào. Với chủ bán, cụ hẹn rằng chờ xem xong rồi sẽ mặc-cả (đánh giá). Chủ bán bằng lòng. Vậy là từ đó, ngày nào cụ cũng ra thuyền khách, vếch chân chữ ngũ mà nằm xem, một tập, hai tập, ba tập... dần dần cả bộ cụ đã để mắt qua một lượt cả rồi. Chú Chệch thật thà nọ hỏi cụ có thuận mua không thì cụ cười rằng : Tôi tưởng là sách gì mới, té ra thứ sách ấy thì trong Nội-các rày mới lục ra đã thấy có rồi. Đoạn cụ đem cho hẩn xem một bộ chữ viết, bảo rằng đây là của người ta mới chép lại. Cụ tin rằng vẫn tắt bấy nhiêu lời, cũng đủ cho người đồng-chủng của tên thù Mã-Viện biết cụ là một bậc thông minh cái thế, có sức ký ức khác thường, cả một bộ sách dày thế mà ngay xem đến đâu là thuộc lầu đến đấy, rồi đêm về đọc lại cho mấy tên Thừa-phái viết, không hề sót lấy một chữ nào ! Vì vậy, cụ không cần bỏ tiền ra mua sách ai ; nhà vua muốn mua, cụ cũng xin đừng, làm cho chú Khách kia đã bị ế hàng lại bẽ. Phen này trở lại An-nam, hỏi

thăm biết cụ vào làm Án-sát ở đây, tưởng nó sẽ lừa rằng lại có bộ sách quý muốn bán, để cụ ăn quen, lại xuống ghe nó mà xem, rồi thừa lúc cụ xuất kỳ bất ý mà kéo neo trương buồm chạy thẳng ra khơi, thả cụ xuống nước để rửa giận ; Không ngờ nó lại biết phục tài cụ, món lợi lớn mất đi, nó không thèm nghĩ đến, lại chạy về nước, kêu rầm lên rằng cụ là một quan Trạng đầu đấy hẩn khiến cho trong đồng bào của hẩn, có kẻ trí thức, sẵn bụng hiếu hiền, phải băng vời vượt bể, tìm đến cỏi Lãn-Nam này mà xem cho biết con người của cụ ra thế nào lại có được một khối óc thông minh như thế ấy ?

Nghĩ rằng nhà thế-phiệt kia là một người tri-kỷ đáng tin, mà chú Khách này cũng là một bậc quân-tử nên trọng, nên cụ tiếp-đãi rất mực tử-tế. Lúc ra về, chúng lại trân-trọng ngỏ lời mời cụ xuống thuyền nhấp chén rượu lạt. Vui-vẻ, cụ nhận lời ngay. Đúng giờ hẹn, chúng đem kiệu tới công-đường, rước cụ ra bến, rồi bơi xuống vào, rước thẳng ra ghe, neo ngoài cửa bể. Cùng khách chén rượu ngà-ngà say, cụ ngủ quên khuấy lúc nào không biết. Chợt bừng mắt dậy, thì sóng đầu vỗ ầm ầm, thuyền sao chạy róc róc ? Kìa những lão Chệch kia lúc nào mới đăng-đãi mình một cách rụt rè e-sợ, mà nay sao vội thấy mình ngơ ngác chưa rõ chuyện trước mắt là sự thực hay chiêm bao, thì lại chẳng nói chẳng rằng, dám nhăn nanh trông mình mà cười rộ ? Hay là hùm thiêng đã mắc phải bẫy mọi đày rồi ? Ôi, quả thế ! « biển sâu dùng thước mà đo, lòng người gian hiểm dễ dò được sao ? » (Tục-ngữ). Bây giờ nghĩ ra rồi cụ mới biết : té ra thẳng lái buôn nham-hiểm kia, sở dĩ đem người thân

thuộc của hần sang nước ta lần này là cốt để cho có người
xứng chuyện trò với cụ, mà tìm phương trả thù ! Ngồi trong
tàu với bọn nó biết bao nhiêu người, mà cụ vẫn cảm thấy
mình như riêng lạc lối vào trong một chốn thâm lâm cùng
cốc nào đây ? Song nếu ai hỏi cụ có biết sợ không, thì cụ
vẫn trông vào giữa bầu trời nước mà lặng ngâm :

海浪雲輕送客船
帆歸北向若飛箭
辰看月照波心處
空畏詩題夜不眠

*Hải lạng vân khinh tống khách thuyền
Phàm qui bắc hướng nhưc phi tiên
Thời khan nguyệt chiếu ba tâm xứ
Không úy thi đề dạ bất miên*

Dịch :

*Sóng biển un mây trước mũi thuyền,
Buồm bay về Bắc chóng như tên.
Kìa xem lòng nước mặt trăng gioi,
E rộn bài thơ ngủ chẳng yên.*

Thuyền đến Thượng-Hải, chúng đem cụ lên nhà. Trông
lên bàn thờ, cụ thấy lống-thống hai câu liễn trắng :

結髮訂吾缘誰謂今朝鴻北去
芒心憑客地吁嗟何日鴈南歸

*Kết phát đính ngô duyên, thùy vị kim triêu hồng bắc
khứ ;*

Mang tâm bằng khách địa, hu ta hà nhật nhận nam qui !

Dịch :

*Kết tóc hẹn duyên ta ; một phút ai xui hồng về bắc ;
Ôm lòng nương đất khách, bao giờ còn thấy nhận sang
nam ?*

Câu đối ấy, nguyên buổi còn ở Bộ, cụ làm hộ cho một người đàn bà ta khóc người chồng khách sang buôn bán ở Kinh, rủi chết đi rồi chở quan-tài và linh-cữu về Tàu trong lúc nàng còn có thai. Bởi vậy, trong Hán-văn cụ đặt « kết, mang, ngô, khách » để cho thiết với sự-tích của vợ chồng nhà hãn. Nay thấy tác-phẩm của mình chưng ở nhà người, cụ biết tên Chêch quá cỡ kia với kẻ thù mình cùng nghĩa anh em ruột thịt. Cụ than rằng : « Buổi bà con của các ngài chết, chính tôi đã làm một người khóc mướn, không ngờ ngày nay thân này lại chết vào tay các ngài, than ôi ! sau khi tôi đã nhắm mắt rồi ai là người có dư nước mắt mà khóc mướn cho tôi ? » Câu nói văn hoa mà bi-đát ấy đã cảm-động đến quân mặt sắt lòng đá.

Chúng chỉ đòi giữ lại của cụ cái đèn tóc mịn-màng để làm « kỷ-niệm », còn cái tấm thân mảnh-dẻ – tấm mình đặc biệt của con nhà văn, nhà thơ – chúng lại chở về trả cho non sông Hồng-Lạc :

海平萬里送人回
四望愴茫不見涯
宇宙模糊青霧裡
水天縹渺白雲堆
壯心初試波千頃
龜思從甘酒半杯

佇立錯頭看細浪
魚舟處處片帆開

*Hải bình vạn lý tổng nhân hồi,
Tứ vọng thương mang bất kiến nhai.
Vũ-trụ mô-hồ thanh-vụ lý,
Thủy-thiên phiêu-diêu bạch-vân đôi.
Tráng-tâm sơ thí ba thiên khoảnh,
Qui-tứ tùng cam tửu bán bôi.
Trử lập thuyền đầu khan tế lãng,
Ngư châu xứ-xứ phiến phàm khai.*

Dịch :

*Đường về muôn dặm biển mông mênh,
Bờ bến đâu đâu trước mắt mình.
Lẫn-lộn bể-trời trong khói bạc,
Mơ-màng non-nước giữa mù xanh.
Sóng đào chí cũ nghìn trùng tĩ,
Rượu ngọt, lòng quê nửa chén đành.
Đứng trước mũi thuyền trời biển lặng,
Buồm chài bốn mặt cánh thênh thênh.*

Đến cửa Thuận-An, chúng đem thả cù ở trên bãi biển rồi quay thuyền về. Còn cù ? theo dòng sông Hương, cù tìm lên đình Ngự, xin vào bệ-kiến để chịu tội sơ-phóng. Trong triều, các quan lớn ghét cù là thằng ngạo mạn, lúc ở Nội-các, đã cậy thế cậy thần mà bài bác họ nhiều điều, nay họ đều ủa lên cho rằng cù đã làm nhục đến quốc-thể, và thấy cái đầu trọc của cù thì họ muốn cho cù về cõi Phật luôn : họ ghép cù vào tội đại-tịch. Song còn có Đức Thiệu-Trị ! Một vị minh-

quân thế ấy, há chịu để cho bọn quyền-thần giết hại một bậc kỳ-tài ? Ngài liền tha cho cụ tội chết, và tạm phạt cụ vào Đà-Nẵng sung quân ở đó. Lúc cụ ra đi, có người em là ông Tú Nguyễn-hàm-Trạch theo tiễn chân. Ông này ở Khánh-Hòa nghe tin cụ về nước, thì vội vàng ra Huế mừng cụ và tin cho cụ biết rằng bà ở nhà đã sinh được một gái. Thế nên cùng ông Hàm-Trạch cụ có bài thơ lưu biệt :

不道今相見
猶疑夢未眞
書來兒有母
獄定我爲人
天地清秋晚
高堂白髮新
承歡諸弟在
暫別莫沾巾

*Bất đạo kim tương kiến
Do nghi mộng vị chân
Thư lai, nhi hữu mẫu
Ngục định ngã vi nhân
Thiên địa thanh thu vãn
Cao đường bạch phát tân
Thừa hoan chư đệ tại,
Tạm biệt, mạc triêm cân*

Dịch :

*Phải chăng đối mặt bắt tay ngồi,
Hay lại chiêm bao đấy nữa rồi ?
Góc biển thư về con có mẹ,*

Phương trời ngực định bác (mỗ) làm người. ¹³

Màu thu tiết mượn thương thân kẻ, ¹⁴

Mái tuyết gương soi tủi phận ai. ¹⁵

Thôi chớ dầm khăn khi dứt áo, ¹⁶

Thân nhà còn cả các em ngoài !... ¹⁷

Con trẻ mặc vợ, mẹ già có em, việc gia-đình tương cụ không cần phải nghĩ đến nữa, và đành để cho họ giải đi :

帶得枯遮舉目驚

人人指笑阮咸寧

Đái đắc khô già cử mục kinh

Nhân-nhân chỉ tiếu Nguyễn-hàm-Ninh...

Dịch :

Ai thấu gông-xiềng chẳng phải kinh ?

Vừa cười, chúng trở : « Nguyễn-hàm-Ninh ».

Than ôi, mới ngày nào cụ còn đạo-mạo làm một ông quan lớn mà bây giờ đành ủ rũ trong bộ áo xanh ?

Rong-ranh xiềng sắt ngờ đeo ngọc,

Ràng-rit thùng mây tựa thắt đai.

Đọc câu thơ ấy, cảm thấy cái cảnh-ngộ ấy của cụ, khiến ta không khỏi ngậm-ngùi !...

Song, những bậc danh-vọng như cụ, mà cũng có lần phải nếm qua thú ngủ ngồi, trường ăn bốc, mới đủ cho thiên-hạ tin rằng : nằm trong nhà đá, ngồi giữa cũi sắt, dầu toàn là người có tội, cũng chưa hẳn là tội đáng khinh ! Tuy cụ đã lọt vào vòng lụy-tiết, nhưng nhà vua vẫn còn một

lòng quyến-chú ! Nên đày vào Quảng-Nam chưa được mấy hôm, cụ đã được đặc-ân cải phái làm Trai-đàn Hiệu-lực tại chùa Thiên-Mụ ; rồi lại khởi-phục Hàn-lâm-viện trước-tác, đầu đuôi chỉ trong một tháng giời ở trong vòng hình-hiến mà thôi (!)

Bấy giờ cụ vào làm việc tại sở tu-thư.

Nghĩ rằng dần-dà rồi Đức Thiệu-Trị cũng sẽ cho cụ phục lại chức cũ, không ngờ năm ấy (1847-Đinh-vị), Đức Thiệu-Trị thăng hà, rồi Vua Tự-Đức đăng-quang.

Lẽ ra thì ngôi báu phải về phần ông Hồng-Bảo (anh ruột Vua Tự-Đức), vì Đức Thiệu-Trị đã đặt ông làm Thái-tử từ lâu, không rõ tại sao khi gần nhắm mắt, ngài lại muốn truyền vị cho ông em là Hồng-Nhậm, cho nên ông này lên làm vua, thì ông Hồng-Bảo tỏ vẻ bất-bình !... Vì vậy mà cả gia quyến của ông đều bị hại. Đức Tự-Đức đã nhẫn-tâm làm cái việc « nôi da xáo thịt, củi đậu nấu mè » ! Vì cố ấy mà cụ Nguyễn-hàm-Ninh không lấy làm phục ngài lắm. Bữa nọ, nhân ngài thời cơ, vô-ý rằng cắn nhầm lưỡi, ngài bèn lấy đó làm đầu bài, bảo đình thần, mấy ông danh sĩ, làm mỗi ông một bài thơ.

Các quan lớn, bài dâng lên ngự lãm nhiều lắm, nhưng chỉ có bài cụ là xuất-sắc hơn cả, và được truyền tụng đến giờ :

生我之初汝未生
汝生之後我爲兄
珍饈曾幾同甘苦
嚙指還忘骨肉情

*Sinh ngã chi sơ nhữ vị sinh
Nhữ sinh chi hậu ngã vi huynh
Trân-tu tặng kỷ đồng cam-khổ
Khiết chỉ hoàn vong cốt-nhục tình*

Dịch :

*Thửa bác (lưỡi) sinh ra, chú (răng) chữa sinh ;
Từ sinh ra chú, bác làm anh.
Tân cam từng lúc cùng san-sẻ,
Cốt-nhục, đang tâm nghiền đứt tình ?*

Bạn đọc chắc đã thừa biết, trong bài thơ ấy, ý cụ muốn nói gì rồi. Ôi ! vì một miếng ăn, một chỗ ngồi mà anh trở giận em, em quay giết anh, thế thì trường danh lợi phải chẳng là chỗ người ta dễ « đổ » tình « máu mủ », « đứt » nghĩa chân tay, mà kẻ học đạo thánh, sợ lưỡi trời, phải tìm đường xa tránh, quyết ý tặng lờ ? Nhà thi-sĩ đa-cảm đa-tình đổ ra chán-nản việc đời từ đấy ! Chẳng những cụ buồn nỗi làm tôi mà không can gì được Vua, cụ còn biết xét mình làm quan mà không ích chi đến dân. Viết đến đoạn này, tựa hồ như nghe có tiếng cụ ngâm đọc đầu đây :

梅花燈下影
焦葉雨中聲
獨客難爲夜
端居空懣情
北畿方苦潦
西壤未休兵
經術知何補
深宵看斗橫

Mai-hoa đăng hạ ảnh
Tiêu-diệp vũ trung thanh
Độc khách nan vi dạ
Đoan cư không phủ tình
Bắc kỳ phương khổ lạo
Tây-nhường vị hựu binh
Kinh thuật tri hà bổ
Thâm tiêu khán đấu hoành

Dịch :

Trong mưa, tàu chuối khóc,
Ngọn nến đóa mai cười.¹⁸
Đêm đổ đặt lưng ngủ,
Giường cao ôm bụng ngồi.
Bắc kỳ dân ngập nước,
Tây nhượng giặc làm trời.¹⁹
Thơ thánh ăn ai tá ?
Vùng Ngưu há miệng gioi !

Xem vậy thì cụ vẫn một lòng ưu-thời mẫn-thế, nào phải tuồng túi cơm giá áo như những ai kia ! Song dầu muốn làm chi, e cũng phải có trời mới được, bằng không thì có hoài-bảo thế nào âu cũng bằng thừa. Xem biết tình thế khó-khăn lắm rồi, cụ không còn dám ngồi sông mà hưởng lộc nước ; mới bốn mươi tuổi trời, đương độ trẻ trung, răng còn cứng, sức còn dai, mà cụ đã từ bỏ miếng đỉnh-chung, thác bệnh mà quyết đòi qui-lý cho được. Vua Tự-Đức cố cầm lại không xong đành phải nghiêng tai nghe cụ hát bài qui-hứng :

村外一聲鳩

園林事事幽
鉤簾春醒燕
橫笛晚傳牛
柳惠應三黜
張衡滿四愁
未言歸興樂
安識主恩優

*Thôn ngoại nhứt thanh cưu
Viên lâm sự sự u
Câu tiêm xuân tỉnh yển
Hoành địch văn truyền ngư
Liễu Huệ ưng tam truất
Trương Hành mãn tứ sầu
Vị ngôn qui hứng lạc
Yên thức chủ ân ưu.*

Dịch :

*Chim cưu một tiếng giục ngoài cồn,²⁰
Muôn việc tối-tăm núi một vườn,
Én tảnh giấc xuân, tay sáo cuốn²¹
Trâu về ràn cũ, tiếng còi đồn,²²
Liễu-công đáng mặt ba lần truất.
Trương-tử cam tâm bốn nỗi buồn²³
Này thú điền-viên chưa nói đến
Biết đâu mưa-móc nặng mang ơn.*

Nhà thơ quen nói vậy, họ thường ca-tụng cái thú điền viên, nhưng dường như cụ chỉ sanh ra để đọc sách ngâm thơ. Trong nhà cụ nuôi ba người, một người chức luôn bên

trưởng để khi cụ cần xem sách gì thì mở tủ mà tìm cho cụ xem ; lại một người để đọc cho một người nữa biên lại những thơ văn của cụ ngẫu hứng làm ra trong lúc tình cùng bầu rượu, duyên với cô đào, như bài ca trù mà cụ cho hát để nhắc-nhớ đến cái đặc-ân của hai Vua Minh-Mạng, Thiệu-Trị đã từng phen ưu-đãi mình :

Sực nhớ đến Thiên báu Khai nguyên di sự, ²⁴

Tấm bi thu như say như tỉnh lại như mê.

Duyên tam sinh Âu-kiểm Hợp-châu về, ²⁵

Đức tái tạo kể trời cao bể rộng,

瓊樓玉宇三更夢

龍閣珠襦萬古愁

« Quỳnh lâu ngọc vọ tam canh mộng,

Long cáp châu nhu vạn cổ sầu »

Đĩnh-hồ xanh-ngắt một màu, ²⁶

Trông cung-khuyết biết mấy hàng huyết-lệ.

Số viên-tí lẻ loi là thế, ²⁷

Dẫu cơm sắng áo cỏ cũng là ơn. ²⁸

Bùn mây thân cũng là thân, ²⁹

Nhân sinh hồ dễ mấy lần được ru ?

Lênh đên một mảnh giang-hồ.

Ngoài bài ca-trù ấy, cùng nhiều bài khác nữa, còn có một câu mà khi nào cụ cũng bắt cô đào truyền, cái cô đào đủ cả thanh lẫn sắc ấy hát :

Ma hèm quen thói say sưa,

Đã say rượu Kìa, lại mơ rượu Cầu.

Phải hiểu cái thâm-ý của câu hát ấy. Nguyên bà chánh của cụ là người Tô-Xá (sinh hạ được 3 trai 2 gái), sau khi qui-điền, cụ lại hội thêm một bà nữa người Kẻ-Kịa (Tượng-Sơn) ; cô đào Truyền kia người Kẻ-Cầu (Phú-Mị) ; Kẻ Cầu và Kẻ Kịa là hai làng ở trong phủ có tiếng rượu ngon, nên cụ đặt câu hát ấy để đùa đào Truyền đó !... Ngoài sự dan-dúu với cô đào, cụ lại thường tìm chơi các chỗ danh sơn thắng tích. Trên đỉnh Đèo Ngang (Hoành-sơn) cụ tăng vui với cảnh :

*Lờn vờn mặt nước cây hòng lợi,
Chợt vợn chân non sóng muốn trèo.*

Còn cảnh chợ Trời ở Sơn-Tây thì :

*Hóa-công xây đắp tự bao đời,
Nọ cảnh Sài-Sơn có chợ trời.
Buổi sớm sương tan, trưa nắng giãi,
Ban chiều mây hợp tối trăng chơi,
Bày hàng, hoa quả tư mùa đủ,
Cứ hiệu, giang-sơn bốn mặt ngồi,
Bán lợi mua danh nào những kẻ,
Thử lên mặc cả một đôi lời.* ³⁰

Ở Chợ Trời mà cũng có thơ cụ ? Rõ thực thừa lúc nhàn-tản, cụ đã đi ngao du khắp đây đó.

Một lần ngang qua Nghệ, biết ông Lưu-Lạng người Cao-Lao, làm Án-sát ở đấy, cụ ghé vào thăm. Rủi ông đi việc quan vắng, bà xin cụ để lại một tấm danh-thiếp để khi chồng mình về, đem trình. Cụ liền bảo lấy bút mực, thảo ngay câu thơ :

*Bái-Công một họ, không đồng phái,
Gia-Cát trùng tên, có khác tài.*

Sau quan án về, ngài thấy câu thơ, tự hỏi : Bái-công một họ, họ gì ? họ Lưu ; Gia-Cát trùng tên, tên gì ? tên Lạng ! Tưởng rằng tác-giả sẽ xưng tên họ của mình, ai nhè lại đem tên họ ông Lưu-Lạng ra mà nhạo ! Quan án đoán ngay rằng : xước đến thế chỉ có Nguyễn-hàm-Ninh, bất đắc ý thôi quan về, rày mới đi lang-thang.

Chính nhờ đi lang thang như vậy, cụ mới tìm ra biết bao nhiêu cái hay cái đẹp của thơ, chìm trong mây giáng, ẩn giữa cỏ cây ? Song tiền lộ-phí ai cung-cấp cho, mà cụ được thông-dong trên đường du-lịch ?

Chỉ trông vào một túi thanh-nang ! Nghe đâu buổi ấy, trong các bọn danh-sĩ, ông Đinh-nhật-Thận với cụ có tiếng hay thuốc nhất.

Nhưng làm thuốc rõ là cái nghề « phản-trắc » làm sao ! Thầy thuốc chỉ khéo cứu được mạng người mà nào cứu được mạng mình ! Sinh ngày rằm tháng Giêng năm Mậu-Thìn (1808), mất ngày rằm tháng Chạp năm Đinh-Mão (1867), có tính tuổi theo phép An-nam, mới có thể nói rằng cụ đã hưởng thọ được 60 tuổi.

Nhưng thôi, như nhà thi-sĩ nào đó ở bên trời Âu đã nói :

*Thánh-hiền cũng có ngày vận mạt,
Chỉ câu thơ tuyệt tác mạnh trường.*

*(Les Dieux eux-mêmes meurent,
Mais les vers souverains demeurent).*

II. TÁC-PHẨM CỦA CỤ

Những tác-phẩm của cụ lưu lại, dầu chưa kể đến những bài thơ rải-rác, mà chúng tôi sẽ đem vào tập Cổ-vận thập-di 古韻拾遺 xuất bản sau này, chúng tôi tưởng nên nói sơ đến bản *Phản-thúc-Uớc*. Với Tần-Cung-Oán, Chinh-phụ-ngâm, Kim-vân-Kiều, *Phản-thúc-Uớc* cũng là một áng danh văn. Có đều nó lại chuyên về lối văn trào-phúng, mà là một lối văn trào-phúng rất hay, nếu ta được đọc qua vài câu thì sẽ muốn đọc mãi. Chúng tôi đã cho in bản *Phản-thúc-Uớc* ở cuối sách này để các ngài đọc, các ngài đọc lấy mà tự biết lấy, chúng tôi không cần phải nói vào đây cho nhiều. Chúng tôi muốn dành giấy mực, để thì-giờ mà giới-thiệu với các bạn hai tập thơ khác của cụ bằng Hán-văn.

Một là tập *Dược-Sư Ngẫu-Đề* 藥師偶題. Như tên sách đã chỉ, đó là một tập thơ cụ ngẫu hứng làm ra trong lúc đi làm thuốc. Xin trích ra đây một bài để làm chứng :

行醫過千仞懷古
醫囊幾度此山行
感昔傷今未已情
野鳥向人言往事
青苔鎖壁篆同盟
殘雲欲起成圍陣
落石猶分伏路兵
最是關情無處瀉
斜陽牧笛隔溪聲

« **Hành y quá Thiên-Nhận hoài cổ** »

*Y nang kỷ độ thử sơn hành
Cảm tích thương kim vị dĩ tình
Dạ điều hướng nhân ngôn vãng sự
Thanh đài tỏa bích triện đồng minh
Tàn vân dục khởi thành vi trận
Lạc thạch do phân phục lộ binh
Tối thị quan tình vô xứ tả,
Tà dương mục địch cách Khê thanh.*

Dịch :

« Làm thuốc qua núi Thiên-Nhận nhớ chuyện xưa »

*Qua lại thuốc thang mấy độ thừa,
Cảnh này chưa khỏi cảm thương cho.³¹
Trên thành rêu đóng, ghi lời ước,
Ngoài nội chim kêu, nhắc chuyện xưa.
Mây kéo dập trời vây cả núi,
Đá lẫn vào bụi nắp ven bờ.
Bút nào tả kiệt tình này nhỉ ?
Tiếng suốt chiều hôm lẫn tiếng tồ (tồ và).*

Thơ cụ còn một tập nữa, nhan là *Tịnh-Trai Thi tập* 靜齋詩集 Tập này chia ra làm :

- Thiên-Kiều 遷喬 1 thiên
- Tiền-Lê 醵黎 4 thiên
- Ngọa-Du 臥遊 1 thiên.

Chúng tôi đã từng được xem bản thảo, chính chữ cụ viết ra, dấu mực của ông Cao-bá-Quát và dấu son của ông Tùng-thiện-Vương phê-bình. Bài nào thấy cũng có câu mà

hai ngài phải giành nhau khuyên đặc cả mặt giấy. Có bài Thương-Sơn Tiên-Sinh (tức Tùng-thiện-Vương) phê : « *Thạnh Đường duy trứ bách độc bất yếm* » 盛唐遺著百讀不厭, nghĩa là một bài thơ hay đời Thạnh-Đường sót lại, đọc trăm lần không chán. Còn Chu-Thần Tiên-sinh (tức Cao-bá-Quát) thì phê : *Phi thiện học Thiếu-lăng, yên đắc linh-diệu nại dư ?* 非善學少陵安得靈妙乃余 nghĩa là nếu không phải đã học được cái tài thơ của Đỗ-Phủ, thì làm sao mà được linh diệu đến thế ?

Những lời phê như vậy xuất từ trong cửa miệng, dưới ngòi bút của những kẻ đã có tên trong câu : Văn, nghe Siêu Quát buông Tiền Hán ; Thi, đến Tùng Tuy xếp Thạnh Đường 文如迢活無前漢詩到松綏失盛唐, tưởng cũng đủ để đảm-bảo cho tài học của người mà chúng tôi đã viết thành tập lịch sử này vậy.

III. CHUYỆN CỤ VỚI ÔNG CAO-BÁ-QUÁT

Phải chăng, khi xem qua lịch-sử một bậc danh-nhân nào, người ta cũng muốn biết : đối với bậc danh nhân ấy, những danh nhân khác cùng sống vào một thời, ra thế nào ? Vậy xin nói chuyện ông Cao-bá-Quát với cụ.

Năm cụ Nguyễn-hàm-Ninh đậu Giải-Nguyên ở trường Thừa, thì ông Cao-bá-Quát cũng đậu Thủ-khoa ở Hà-nội. Năm sau (Nhâm-Thìn, 1832), ông Quát từ Bắc vào Huế để thi Hội. Vào gần đến sông Gianh, giữa đường gặp một người khăn đen áo dài, trông cũng ra phết nhà nho, ông liền hỏi kháy nhà Nguyễn-hàm-Ninh ở đâu ?

- Chứ ông hỏi thăm ông ấy làm gì ? Mà ông là ai ?

Người kia hỏi vặn lại thế, thì ông cười gằn : « Hừ ! đầu nay mới thấy mặt, nhưng chắc từ lâu anh cũng đã nghe tiếng Chu-Thần đấy hản ? Từ Bắc vào, qua đâu mình cũng chẳng sợ ai, duy đến khoảng Lam-Hồng phải nể Đình-nhật-Thận, còn vào Quảng Bình này thì nghe có Nguyễn-hàm-Ninh... Nhưng chưa chắc « danh » đã đúng như « thiệt » nên muốn gặp « anh ta » hỏi thử vài câu, xem học hành ra thế nào ? »

- À, tưởng gì chứ ông muốn thế, thì chắc Nguyễn-hàm-Ninh là tay hay chữ, sẽ sẵn lòng tiếp chuyện với ông. Song ông không cần phải tìm đến nhà, chính trên con đường này cũng có ông ta, ông đương đi thi Hội, ta cứ đi, sẽ gặp ông ngay trước mặt.

Cao-bá-Quát cả mừng, rần sức đi nhanh nhưng đã trông mòn con mắt mà chưa thấy Nguyễn-hàm-Ninh ở đâu. Lại quay hỏi người khách đồng hành : từ nãy tôi mải sốt ruột vì việc chưa được gặp con người muốn gặp mà quên hỏi ông với Nguyễn-hàm-Ninh có quen biết gì không ?

- Lẽ nào lại không ? Tôi là học-trò của ông đấy, năm ngoái nhờ trời sư-đệ cùng đỗ một khoa, nên giờ tôi cũng đi thi Hội.

- Quả thế thì chúng ta cùng đi, nói chuyện càng vui... nào ! có thơ văn gì ông Nguyễn-hàm-Ninh, anh còn nhớ, đọc cho nghe với.

Nhưng người kia quyết không chịu đọc, bảo rằng : « Nhiều lắm, nhiều lắm, mình trông thấy hóa chán, không làm sao nhớ hết ! »

Nói thế, thấy ông Cao-bá-Quát có ý buồn, người kia vội cười : « Anh rõ thật quá sính ! Thích nghe văn mà không được nghe cũng buồn ! Muốn mua vui cùng nhau, âu là anh hãy ra cho tôi vài bài thơ để tôi làm, anh sửa ! »

Ông Cao-bá-Quát bằng lòng ngay, thử ra cho ít bài, thì ra anh chàng nào đó, thơ đã hay mà làm lại mau, so với mình thực không kém gì chút nào ! Thấy Cao-bá-Quát chịu, người kia lại càng nổi láo, thách khéo Cao-bá-Quát họa lại³². Tuy biết hai bên chỉ ngang sức nhau, song nhà thi-sĩ họ Cao trong lòng vẫn lo sợ riết ! Nào phải lo sợ gì ở người bạn đi đường kia đâu ? Chính là lo ở ông thầy của nó kia ! Nó là học-trò mà mình còn không hơn được nó, thì địch làm sao nổi với thầy nó chứ ! Nghĩ thế, Chu-Thần Tiên-sinh lại gạn

hỏi : « Tuy nói anh là học-trò, Nguyễn-hàm-Ninh là thầy, song anh nên bình tâm mà xét : Sức Nguyễn-hàm-Ninh có hơn anh nhiều lắm không ? »

- Hơn nhiều, người kia đáp lại thế, hơn nhiều lắm ! Không hơn thì sao mà làm thầy tôi được ? Học lực của tôi, được như anh là may, còn dám hòng đâu địch với thầy tôi ? Sức hai đứa mình đối với thầy kể đã thấm thía vào đâu !

Nghe nói, Cao-bá-Quát lấy làm tức tối lắm ! Nhưng dù sao, cũng quyết gặp cho được Nguyễn-hàm-Ninh. Ông tin chắc rằng rồi đây người bạn đồng hành của mình sẽ đem mình giới thiệu với Thuận-chi Tiên-sinh, nào ngờ vào vừa đến Huế, nó thác cố là có việc riêng cần-kíp mà rẽ đi đường khác, chỉ bày cho mình, nhà nọ phố kia là chỗ mà hằng năm ông Nguyễn-hàm-Ninh vào Kinh quen ở. Ông Quát phải mượn người khác chỉ chỗ. Từ dưới thềm nhà quán bước lên, trống tim đánh giục, ông Quát trong lòng hồi-hộp, không biết cái con người mà mình sẽ gặp đây có dị-hình dị-tướng lắm chẳng ? Nhưng đánh bạo, ông vẫn bước vào, bước vào, thì... ông đã phải lặn ra mà cười : nhà danh-sĩ Quảng-Bình không phải ai lạ, chính là người bạn đi đường của mình hôm nọ ! Cao-bá-Quát càng phải phục Nguyễn-hàm-Ninh là tay « Trạng » ! Hai người yêu nhau từ đó. Lúc cùng làm quan tại triều, vẫn thường đi lại chơi bời với nhau như anh em một nhà. Chẳng những lúc phú quý có nhau mà khi hoạn nạn lại cùng nhau san cay sẻ đắng. Ông Cao-bá-Quát, năm đi thi trường Thừa, nhân thấy bài ông Phan-gia-Hành (?) văn hay mà phải một chữ phạm vào trường qui, quan trường vì không được phép mang bút mực theo, nên ông lấy bút son

lăn vào muội đèn, chữa quách lại cho người tài không quen biết, vì chuyện ấy, ông bị phát-phối vào Đà-Nẵng. Lúc ra đi, cùng cụ Nguyễn-hàm-Ninh, ông có bài thơ lưu-biệt :

此生歸路轉悠悠
老去文章不自謀
逐客已安樵子脚
吟翁仍是配軍頭
香橋風雨難爲夜
沱汎雲煙暫覺秋
他日愁心君記取
五溪明月夜瑯舟

*Thử sinh qui lộ chuyển du-du,
Lão khứ văn-chương bất tự mưu !
Trúc-khách dĩ yên Tiều-tử cước,
Ngâm-ông nhưng thị phối quân đầu.
Hương-kiều phong-vũ nan vị dạ,
Đà-tấn vân-yên tiệm giác thu.
Tha nhật sầu tâm quân ký thủ,
Ngũ kê minh nguyệt dạ lang châu.*

Dịch :

*Phen này về được cũng lâu năm,
Phai-lạt văn-chương mái tóc râu.
Đàn dơi gót Tiều thân bị đuổi,³³
Khéo đem đầu lính lão hay ngâm.
Gió-mưa rạo-rực đêm Hương-Thủy,
Mây-khói mịt-mù tấn Quảng-Nam.
Sầu ấy ngày nào xin nhớ lấy,*

Nằm khe thuyền cặp mảnh trăng rằm.

Sau cụ Nguyễn-hàm-Ninh ở Tàu về lại gặp ông ở Đà-Nẵng. Cách ít ngày, cụ được đổi về làm Trai-đàn Hiệu-lực tại chùa Thiên-Mụ ông Quát lại có bài thơ tiễn biệt :

斷蓬飛絮兩無根
惜別頻啼爲子言
獨鶴不曾銷鏡影
遠山何事破眉垠
詩成恨字空題血
酒醉離杯卽夢魂
他日旅亭分手後
幾回風雨暗西村

*Đoạn bông phi nhứ lượng vô căn
Tích biệt tần đề vị tử ngôn
Độc hạc bất tăng tiêu cảnh ảnh
Viễn sơn hà sự phá mi ngân
Thư thành hận tự không đề huyết
Tửu túy li bôi tức mộng hồn
Tha nhật lữ đình phân thủ hậu
Hỷ hồi phong vũ ám tây thôn.*

Dịch :

*Lênh đênh bèo bọt phận đôi ta,
Sùi sụt vì ai lúc bước ra.
Bóng kính bao hờ rời hạc một,³⁴
Ngấn mày sao nở dứt non xa.³⁵
Tanh rình mùi máu hàng thư hận,
Sau ngất hồn hoa chén rượu đưa.*

*Rồi nữa mỗi người thành mỗi ngã,
Mịt mù mưa gió biết đâu là !...*

Lời lẽ lâm li thế ấy, đủ biết tình nghĩa nồng nàn dường nào !

Sau cụ Nguyễn-hàm-Ninh thôi quan về, ông Quát lại gửi, vào năm Tự-Đức tứ niên, một bài thơ ngũ ngôn :

有客曾相問
風流老順知
十年知我友
一首贈君詩
今昔那從問
行藏未可知
山城明月夜
空復托離思

*Hữu khách tặng tương vấn
Phong-lưu-lão Thuận-Chi
Thập niên tri ngã hữu
Nhứt thủ tặng quân thi
Kim tích na từng vấn
Hành tàng vị khả tri
Sơn thành minh nguyệt dạ
Không phục thác li tư.*

Dịch :

*Có khách thường nghe hỏi :
Phong-lưu lão Tịnh-trai.
Mười năm quen biết mỗ,
Mấy vận gửi đưa ai.*

*Đắc táng thôi bàn chuyện,
Hành tàng chữa định thời.
Thành non vùng nguyệt giới,
Bối rồi dạ quan hoài.*

Bài thơ ấy ông Quát nhờ ông Trần-Cung-Trọng (?) đưa lại, trước có tự mấy lời : *Đắc Thuận-Chi lưu tặng Trần-Cung-Trọng Vĩnh-tường chi tác. Thử lão quật cường, chính phục dữ ngã đồng bệnh ; nghi vô bất khả ẩn ư Cung-Trọng dã, nhứt tiên thư thử thác. Cung-Trọng qui trí thư bưu 得順知留贈陳恭重永祥之作此老倔強正復與我同病宜無不可隱於恭重也一箋書此托恭重歸置書郵*, nghĩa là được thấy bài thơ lưu-tặng ông Trần-Cung-Trọng của ông Thuận-Chi, Lão này cũng là một tay quật cường, cùng ta một bệnh. Tưởng với Trần-Cung-Trọng, không cần phải giấu giếm gì nữa. Vậy rút mảnh giấy, viết mấy dòng, nhờ Cung-Trọng gửi lại.

Xem đó đủ biết, hai bên rất tương đắc, ông Quát đã nhận cụ làm bạn đồng bệnh. Đồng-bệnh tương lân ! Nhưng chừng như cụ Nguyễn thì chỉ cậy mình hay chữ mà ngạo đời thế thôi, không có cái chí giăng dất xoay trời như ông Cao-bá-Quát.

IV. ÔNG TÙNG-THIỆN-VƯƠNG VỚI CỤ

Ông Cao-bá-Quát với-cụ đã thân, mà cụ với ông Tùng-thiện-Vương lại càng thân lắm. Bằng vào đâu mà tôi dám nói như thế ? thì cứ xem trong tập « Kim-lang-can » 金瑯玕 của cụ sưu-tập. Độc-giả ai có Hán học nghe đến ba chữ Kim-lang-can, sức nhớ câu nói của Trương-Hành « Mỹ nhân tặng ngã kim lang can » 美人贈我金瑯玕 cũng thừa biết rằng đó là một tập văn, trong ấy cụ cho chép lại những thi văn của các bạn tri-giao đã trí tặng cụ. Trong bài tựa tập ấy, cụ có viết rằng : *Thị biên chú thứ, dĩ giao chi thâm thiển vi tiên hậu, tước lộc phi khả tỉ lệ dã* 是編註次, 以交之深淺為先後, 爵祿非可此例也. Nghĩa là : trong tập này, tùy theo tình giao thân hay sơ mà chép thơ tặng lên trước hay sau, không phải lấy tước lộc mà cân nhắc vậy. Thế rồi thấy cụ chép thơ ông Thương-Sơn (tức Tùng-thiện-Vương) ³⁶ lên đầu ! Vì sao mà ông được cụ kính-trọng như thế ? Há chẳng phải vì ông là người bạn tri-âm thứ nhất của cụ hay sao ? Lúc cụ Tri-huyện Lục-Ngạn về đình-gian, rồi vào dạy tư ở Thanh-Toàn, đó là lần đầu cụ được gần-gũi ông Tùng. Chính nàng thơ đã làm môi-giới cho cuộc nhân duyên ấy giữa hai nhà văn : Biết ông Tùng là tay sính, nên ở thành ngoài nghe đọc bài thơ gì của ông thì cụ Nguyễn liền họa lại mà gửi vào. Một lần ông Tùng thấy thơ, thì liền phục đến người, thường với cụ vào các, cùng nhau uống rượu làm thơ. Ông Tùng thường bảo cụ rằng : « Trong bạn thơ rượu, đã vì tài-đức mà kết-thân với nhau, thì khi chén tạc chén thù, câu xướng câu họa. Hãy gác lại sự sang hèn ngoài vòng trần-tục, nghĩa là

đừng sá quan-tâm gì đến chỗ phẩm hàm tước lộc mà ái-ngại rụt-rè ». Nhờ được ông Tùng một lòng quý mến, ra tay dìu dắt cho, mà sau cụ mới được vào làm việc ở sở Quốc-học độc-thư, và bước quan-giai mỗi ngày mỗi thêm tấn-phát. Mấy lần cụ bị nạn, cũng nhờ có ông Tùng vừa-giúp, mới được toàn thân.

Nếu người tuổi vàng có biết, thì chắc ơn ông Tùng đến rày cụ cũng chưa quên, nhất là trong lúc chúng ta còn nhắc lại những áng thi-văn ông Tùng đã trí tặng cụ. Nhớ hôm nào ông Tùng dắt cụ lên chơi ở núi Thúy-Vân, giữa trời núi Thúy. Cảnh đã nên thơ, bên mình, bạn cùng lên chơi núi Thúy lại là khách làng thơ, những cái lọt vào trong năm giác-quan trong tai, trong mắt, trong mũi, trong lưỡi, trong da, đều là thơ, cõi lòng man-mác thơ là thơ, ông Tùng vỗ vào vai cụ, buột miệng đọc thành một bài thơ :

山徑候明月
月明滄海東
平沙沿岸白
遠火隔江紅
漁唱潮聲外
鐘鳴樹色中
橋朋遊達夜
詩勾滿青筒

*Sơn kính hậu minh nguyệt
Nguyệt minh thương hải đông
Bình-sa duyên ngạn bạch
Viễn-hỏa cách giang hồng
Ngư xướng triều thanh ngoại*

*Chung minh thọ sắc trung
Hòe bằng du đạt dạ
Thi cú mẫn thanh đồng*

Dịch :

*Chờ trăng trên đỉnh núi,
Góc biển bánh trắng xây ;
Cát trắng ven bờ chạy,³⁷
Lửa hồng ngả lạch bay.
Chài reo ngoài tiếng sóng,
Chuông điểm giữa màu cây ;³⁸
Dắt bạn chơi hầu sáng,
Tứ thơ, túi lượm đầy.*

Cụ cho rằng bài thơ ấy để như vậy kể cũng đã hay, song còn có thể làm cho hay hơn nữa, nên xin phép ông Tùng, cụ chữa lại :

灌木鬱蒙籠
村墟鳥道通
迴沙沿海白
野燒隔江紅
漁唱潮磬外
僧歸月色中
岩花何處發
繞徑度香風

*Quán mộc uất mung lung
Thônɡ khư điểu đạo thônɡ
Hồi sa duyên hải bạch
Dạ nhiệu cách giang hồng*

*Ngư xướng triều thanh ngoại
Tăng qui nguyệt sắc trung
Nham hoa hà xứ phát
Diệu kinh độ hương phong
(Tĩnh-trai thi-tập)*

Dịch :

*Cỏ cây ngó mịt-mùng,
Làng nội nẻo chim thông ³⁹
Cát bạc viền quanh biển,
Lửa đồng bật ngả sông.
Chài reo trong sóng biếc,
Tăng rảo dưới trăng trong. ⁴⁰
Hoa nở đâu đây tá,
Gió thơm khắp núi lồng.*

Tài thơ như thế, ông Tùng mẫn-phục cụ là phải ! Lúc cụ được thăng Hình-Bộ Phó-Lang, đem cho cụ, ông Tùng có bài :

鄭梅前後作都官
睥睨爭登李杜壇
不敢戲君官止此
索將詩草借余看

*Trịnh mai tiền hậu tác đô quan
Bệ nghệ tranh đẳng Lý Đỗ đàn
Bất cảm hý quân quan chỉ thử,
Sách tương thi thảo tá dư khan.*

Dịch :

Mai, Trịnh, nối nhau gót bá-đài ⁴¹

Coi ! đàn Lý Đỗ liếc con người !

Phải quan đến đó, đùa ai đó ? ⁴²

Muốn hỏi tập thơ thử mượn coi.

Còn lúc cụ làm Chủ-sự phủ Tôn-Nhơn mà bị truất về, cách không lâu, cụ vào Huế, gặp ông Tùng ở trên một lá thuyền con, cụ đem cho ông xem ba bài Cừ-Khê Thảo-đường (đã trích-dịch trước kia), ông liền họa lại :

I.

片帆著岸傍积山

客思低徊煙水間

遠淚正隨黃葉下

故人偏與白雲還

捫懷錯作相思夢

握擘猶驚平昔顏

我亦多愁刊未得

對君又值暫辰閒

Phiếm phàm trước ngạn bạng thu san

Khách tứ đề hồi yên thủy gian

Viễn lệ chính tùy hoàng diệp hạ

Cố nhân thiên dữ bạch vân hoàn

Môn hoài thác tác tương tư mộng

Ốc tí do kinh bình tích nhan

Ngã diệc đa sầu san vị đắc

Đối quân hựu trị tam thời nhàn.

Dịch :

Cánh buồm ven bãi quạt non thu,

Mây-nước băng-khuâng tình khách thơ.
Nhìn đôi lá vàng châu muốn ứa,⁴³
Về theo mây bạc bạn đành từ.⁴⁴
Nhớ khi họp mặt ngờ đêm mộng,
Mới lúc cầm tay tưởng gã mô !
Mình cũng buồn nhiều chưa giải được,
Gặp ai lại được buổi hơi thơ.

II.

相思幾度隔關山
夜夜相逢夢寐間
驛路寒梅頻寄贈
雲程倦鳥亦知還
園林有景多乘興
藥餌無靈不駐顏
愁病更兼詩客遠
書窗筆硯隔年閒

Tương tư kỷ độ cách quan san
Dạ dạ tương phùng mộng mị gian
Dịch lộ hàn mai tần ký tặng
Vân trình quyện điều diệc tri hoàn
Viên lâm hữu cảnh đa thừa hứng
Dược nhị vô linh bất trú nhan
Sầu bệnh cánh kiêm thi khách viễn
Thư song bút nghịện cách niên nhàn.

Dịch :

Cùng nhau bao lúc cách non sông,
Trong mộng đêm đêm hội thích-phùng.

Đường lũng ngày thường mai gửi trạm,⁴⁵
Dặm mây chim cũng túi về rừng.⁴⁶
Suối-gò hảnh lẫm chiều vui-vẻ,
Thang-thuốc khôn cầm nét trẻ-trung.
Mình bệnh, khách thơ thêm vắng mặt,
Mốc meo bút mực mảy sương phong.

III.

風流渾似白香山
況有才兼伯仲間
妙筆儘從看劍得
佳章多在罷官還
南窗北岳棲吟興
泉響松聲護笑顏
那得同君向別墅
相將林下共投閒

Phong lưu hồn tự Bạch Hương san
Huống hữu tài kiêm bá trọng gian
Diệu bút tận tòng khan Kiếm đặc
Giai chương đa tại bãi quan hoàn
Nam-song bắc-nhạc thê ngâm hứng
Tuyền hưởng tùng thanh hộ tiểu nhan
Na đặc đồng quân hướng biệt chủ
Tương tường lâm hạ cộng đầu nhàn

Dịch :

Phong-lưu cụ Bạch tánh quen rồi,⁴⁷
Hơn kém tài thơ chín với mười.⁴⁸

*Tùng trẻ bài Gươm văn tuyệt-diệu,⁴⁹
Càng già sức bút lúc qui-lai.*

*Song Nam đỉnh Đắc vầy cơn hứng,⁵⁰
Hoa nở suốt reo đỡ nụ cười.⁵¹
Nhà mát cùng ai mong đến đó,
Lên về dưới núi mặc rong chơi.*

Ngoài vô số những bài thơ như thế, tôi lại còn được thấy các bức thư ông Tùng đã gửi cho cụ lúc cụ ở sở Tu-thư cáo quan về. Đọc những bức thư ấy, chẳng những mình được học một lối viết thư giản dị mà hay, ta lại còn được biết chỗ thân tình của ông Tùng đối với cụ. Vậy những bức thư ấy không nên bỏ qua. Một bức như vậy :

順之足下無恙，幸甚，十畝之間，
夫耕於前，妻耘於後，樂從可知也。
向以詩草見屬，俱以加墨去年借
便寄二卷於笑季，令爲轉送，所餘
一本借某友未還，茲忤人問訊，并
借去年買得唐詩別裁引典備註
全部，考訂月餘，後次。連詩卷并送，
未晚。若近有佳作，亦祈訴把似幸
甚勿吝。
嗣德庚申秋七月 白毫子

*Thuận chi túc hạ vô恙, hạnh thậm. Thập mẫu chi
gian, phu canh ư tiền, thê vân ư hậu, lạc tùng khả tri dã.
Hưởng dĩ thi thảo kiến chúc, câu dĩ gia mặc. Khứ niên tá
tiện ký nhị quyển ư tiểu quý, linh vị chuyển tổng, sở dư nhứt
bản, tá mộ hữu vị hoàn. Tư bình nhân vấn tấn, tinh tá khứ*

niên mãi đắc Đường-thi biệt tài dẫn điển bị chú toàn bộ, khảo đính nguyệt dư hậu thứ liên thi quyển tinh tổng, vị văn. Nhược cận hữu giai tác, diệc kỳ bả tự, hạnh thậm, vật lộn. Tự-Đức Canh-thân thu thất nguyệt – Bạch-hào-tử.

Dịch : Tức hạ vẫn mạnh khỏe như thường đấy chứ ? mừng lắm ! Trong mười mẫu ruộng, chồng cày trước vợ bừa sau, cũng vui lắm nhỉ ! Trước có cho mượn tập thơ, đã gia nét mực vào rồi. Năm ngoái đã đưa cho tiểu-quí (ông em của anh) 2 quyển. Còn một bản cho ông bạn mượn, chưa giả. Nay cho người ra thăm, và mượn bộ « Đường-thi biệt tài dẫn điển bị chú » mới mua năm trước. Đợi xem chừng trong một tháng, sẽ giả lại luôn một lần với tập thơ kia, chưa muộn. Nếu gần đây, có bài gì hay, cho coi với, may lắm, đừng sến. Tháng 7 năm Canh-Thân (1860) hiệu Tự-Đức – Bạch-hào-tử.

Lại một bức như vậy :

向借唐詩別裁集，考訂甫完，取
次檢閱二集，已得半卷，俟竟，并寄，
今奉勅選諸家詩，正急，辦公，未暇
私欸，待數月後，稍稍就緒，必有以
報，再奉寄所賜尙方好項高麗參
兩餘，以爲太夫人延齡之品，少助
膝下之養，收用是可。又，別裁集，
家妹喜其有註，免費搜索，有欲璧
之意，祈爲寄聲請遵償城之例，但
城必幾何，亦須命出於趙，始可以
報也 驪駒在路，握管雙雙。

嗣德辛酉春 倉山行

*Hướng tá Đường thi biệt tài tập, khảo đính phủ hoàn ;
thủ thứ kiểm duyệt nhị tập dĩ đắc bán quyển, si cánh tinh
ký. Kim phụng sắc tuyển chư gia thi, chính cấp biện công, vị
hạ tư khoản ; đại số nguyệt hậu, sảo sảo tự chữ, tất hữu
dĩ báo. Tái phụng ký sở tứ thượng phương hảo hạng cao ly
sâm lạng dư, dĩ vi thái phu nhân diên linh chi phẩm, thiếu
trợ tất hạ chi dưỡng, thu dụng, thị khả. Hựu, biệt-tài tập,
gia muội hỷ kỳ hữu chú, miện phí sựu sách, hữu dục bích
chi ý, kỳ vị ký thanh, thỉnh tuân thường thành chi lệ. Dẫn
thành tốt kỷ hà, diệc tu mạnh suất ư Triệu, thủy khả dĩ báo
dã. Ly câu tại lộ, ốc quản song song. Tự-Đức Tân-Dậu xuân
– Thương-sơn-hành.*

Dịch : Trước có cho mượn bộ Đường-thi-biệt-tài, khảo
định vừa xong. Lần lượt kiểm duyệt đến 2 quyển thi, đã
được nửa quyển, đợi sẽ gửi luôn. Nay được Hoàng-thượng
giao cho lựa chọn tác-phẩm của các thi-gia, cần theo việc
công, tình riêng chưa nghĩ đến. Đợi ít tháng, dần dần duyệt
xong, sẽ có báo đáp về sau... Mới rồi nhà vua có ban cho tôi
ít sâm Cao-ly hạng tốt, xin lựa lấy một lạng già, gửi ra làm
thuốc diên-thọ cho Thái-phu-nhân (cụ bà), gọi chút giúp
anh về việc phụng-dưỡng, anh nhận cho là phải.

TÁI BÚT : Bộ biệt-tài, thấy có chú-thích rõ-ràng khỏi
phiền tìm-kiếm, con em tôi lấy làm miễn lăm. Ý nó muốn
được hòn ngọc bích ấy (quyển sách) nên nhờ tôi nói hộ cho,
để xin tuân theo cái lệ thường-thành. Nhưng thành phải
những bao nhiêu, tất phải hỏi ở Triệu mới biết mà báo lại
chứ ?... ⁵² Trên đường ngựa đợi, loáy-ngóáy vài hàng... Mùa
xuân năm Tân-Dậu hiệu Tự-Đức – Thương-Sơn.

Lại một bức thư nữa, như vậy :

所寄詩卷，奉加墨了，另附拙序
一通，連向文并送。拙詩干卷，現方
續刊，待板成再寄，其唐詩備註，
已交秦樓，托送白金五兩，少助酒
家之供，並好筆一雙，花箋一匣，名
墨一丸，呈獻文几。家庭近狀何
如，未審珠樹之鶴，何年却向帝城
嗣德辛酉三月 淵白

*Sở ký thi quyển, phụng gia mặc liệu, lánh phụ chuyết tự
nhút thông, liên hướng văn tinh tổng. Chuyết thi can quyển,
hiện phương tục san, đại bản thành, tái ký. Kỳ Đường thi bị
chú, dĩ giao Tân-lâu, thác tổng bạch kim ngũ lượng, thiếu
trợ tửu gia chi cung ; linh hảo bút nhút song, hoa tiên nhút
hạp, danh mặc nhút hoàn, trình hiến văn kỷ. Gia-đình cận
trạng hà như, vị thẩm châu thụ chi hạc, hà niên khước
hướng đế thành phi dã. Tự-Đức Tân-Dậu tam nguyệt -
Uyên-Bạch.*

Dịch : Tập thơ gửi đó, đã xem xong rồi ; sẽ phụ vào một bài tựa nhằm của tôi, rồi sẽ gửi ra với quyển văn lúc trước. Mấy quyển thơ của tôi, còn phải sửa sang lại, đợi in xong lại gửi. Đến như bộ « Đường thi bị chú » thì đã giao về lầu Tần ⁵³. Con em tôi nó cậy gửi tặng túc-hạ 5 lượng bạch kim (vàng trắng) làm tiền rượu cung cho nhà thơ gọi rằng, và bút hoa một đôi, giấy tiên một hộp, mực xạ một viên, dâng lên trước án thi thư. Không hiểu túc hạ gần đây cửa nhà thế nào và chim hạc đậu ở cây châu, bao giờ lại cất

cánh bay về chốn kinh-khuyết vậy ? ⁵⁴. Tháng 3 năm Tân-Dậu hiệu Tự-Đức – Trọng-Uyên.

Thư từ của ông Tùng gửi cho cụ còn nhiều lắm. Đó tôi chỉ lược ra ít bức, để các ngài thấy rằng : Không những lúc cụ còn làm quan, ông Tùng mới thân-thiết với cụ mà thôi. Cụ đã thôi quan về rồi, ông vẫn một lòng mến tiếc, thường có tin tức qua lại, thăm hỏi ân cần, tình xưa nghĩa cũ, không vì đất bắc trời nam, kẻ sang người hèn mà đành xao lãng, há chẳng đáng làm gương cho ai đó cùng ai tự phụ là tri-âm tri-kỷ hay sao ?

V. CỤ VỚI CÁC BÀ CHÚA THƯỜNG-SƠN, LẠI-ĐỨC

Đọc hai bức thư của ông Tùng gửi cho cụ trong mùa hè năm Tân-Dậu hiệu Tự-Đức, về đoạn nói người em của ông là bà Lại-Đức (tức Diệu-Liên) muốn lấy lại bộ Đường-thi biệt tài của cụ và tặng cụ những gì gì đó, đọc đoạn ấy, chắc các ngài đã phải nghĩ nhiều !... Phải chăng các ngài đã tự hỏi rằng trong lúc còn nghiêm nhặt cái tục-lệ « Phụ ngôn bất xuất ư khố » mà sao bà lại dám gửi lời mượn sách của một người khác giống cùng đem cho này nọ ? Túng sử bà có muốn như thế thì ông Tùng cứ bảo rằng sách mình mượn, của mình cho cũng được, cần gì phải nói bà cho, bà mượn ? Hay là ông nghĩ rằng nói vậy để cụ vui lòng mà cho mượn và nhận cho ? Không lẽ ! Vì cụ với ông là bạn thân, ông mượn gì mà cụ chẳng cho, ông cho gì mà cụ chẳng nhận ? Sở dĩ ông cứ nói thật tình, là để tỏ cho cụ biết rằng ông không lạ gì chuyện cụ với bà vì mướn tài nhau đã thành ra bạn tình nhau ; và ông cũng không cấm gì việc đó : ông đã sớm biết rằng người tài-tử khách giai-nhân phải lòng nhau là thường. Cho nên, dầu khi bắt gặp những thư từ hai bên trao đổi cho nhau, ông cũng chả trách mắng gì. Chúng tôi dám nói như thế là bằng vào tập thi *Tịnh-trai* của cụ. Trong ấy có bài thơ nguyên văn như vầy :

十二珠欄凭紫煙
桃花如錦草如氈
疎簾清簟圍祺地
細雪寒梅咏絮天

鑷忿杯中將進酒
同心帳底小遊仙
春風一去無消息
留與鸚哥話舊緣

*Thập nhị chu lan nhậm tử yên
Đào hoa như cảm thảo như chiên
Sơ liêm thanh đạm vi kỳ địa ⁵⁵
Tế tuyết hàn mai vịnh như thiên
Quyên phận bôi trung tương tấn tửu
Đồng tâm trưởng để tiểu du tiên
Xuân phong nhứt khứ vô tiêu tức
Lưu dữ Anh-kha thoại cựu duyên*

Dịch :

*Lầu son đỏ rực tầng mây,
Cỏ kia nệm trái, hoa này gấm phôi.
Rèm thưa nhấp-nhoáng cờ đưa,
Hoa bay trời tuyết, câu thơ thả vôi. ⁵⁶
Khối sầu lóng-lánh rượu tan,
Phượng reo trưởng ngọc : tiếng đàn đồng tâm.
Gió xuân từ vắng giai-âm,
Chim anh nhờ lại hỏi thăm duyên xưa. ⁵⁷*

Bài thơ ấy tuy cụ nêu là « vô đề », song thông minh như ông Tùng, há lại không biết là một bài thơ tình cụ viết cho một bà công chúa nào đủ tài cầm kỳ thi tửu ? Tuy vậy, ông vẫn không hề tỏ ý bất bình, hoa bút khuyên đỏ ngòm cả mặt giấy, lại phê : *Khả địch Ngọc-Kê, Phi-Khanh Đoan-Kỷ đẳng bất năng cập* 可敵玉溪飛卿端已等不能及 ⁵⁸ , nghĩa là : có

thể địch được Ngọc-Khê, bọn Phi-Khanh, Đoan-Kỷ không thể bì kịp ⁵⁹. Nhưng bài thơ hay ấy, không phải cụ gửi cho Diệu-Liên Công-chúa, mà lại gửi cho bà Thường-Sơn (chị ruột của bà Diệu-Liên). Rõ thực cụ « nhiều chuyện » quá ! Mà cho đến các bà cũng thế ! Than ôi, hai bà lại không biết rằng cụ đã có người nâng khăn sửa túi rồi ư ? Đã biết không thể gặp nhau mà vẫn thương nhau, thì thương nhau chỉ để nhớ nhau mà thôi. Vì, nó sẽ đến cái ngày mà hai bà phải rời bỏ cụ, hạ giá vào một nhà quý phái nào đây... Trong lúc băng-khuâng duyên mới ngậm-ngùi tình xưa, Thường-Sơn công-chúa đã có mấy vần kiệt-tác :

植竹移梅強自寬
覺無言處淚難乾
傷心最是庭前月
不作團鸞舊日看

*Thực trúc di mai cưỡng tự khoan
Giác vô ngôn xứ, lệ nan can
Thương tâm tối thị đình tiền nguyệt
Bất tác đoàn loan cựu nhật khan*

Dịch :

*Giồng trúc dời mai luống gượng tươi, ⁶⁰
Lệ đâu khô được ? dạ chưa phơi !
Ngậm-ngùi trước cửa vầng trăng khuyết,
Chẳng lại như xưa tròn lại coi !*

Đó là tình buồn bên phái đẹp. Lòng đây lòng đó lòng nào buồn hơn ? Cụ có cái buồn tha-thiết như vậy chẳng ? Không lợ xem lại bài « vô đề » nói trước kia. Đã có bài « Ưc-

Mai » này đây đón lấy để trả lời cho câu hỏi ấy : nhân bà Diêu-Liên, biệt hiệu là Mai-Am, nên với bà, cụ có bài Ưc-Mai 憶梅 (nhớ hoa Mai) :

林堂昨夜朔風吹
小閣清寒獨坐遲
笛裡關山愁奮曲
水邊籬落認前期
香南雪北無方訊
月地雲堵有夢思
欲把新詞遠相贈
美人宛在水之湄

*Lâm đường tạc dạ sóc phong xuy
Tiểu các thanh hàn độc tọa trì
Đích lý quan-san sầu cựu khúc
Thủy biên ly-lạc nhận tiền kỳ.
Hương nam tuyết bắc vô phương-tấn,
Nguyệt địa vân giai hữu mộng tì
Dục bả tân từ viễn tương tặng
Mỹ nhân uyển tại thủy chi mi.*

Dịch :

*Đêm qua gió sóc thổi vù-vù,
Lạnh lẽo lầu khuya khách đứng chờ.
Diêu cũ non-sông buồn tiếng địch,⁶¹
Ngày nào rào-giạo rậm bờ hồ ?⁶²
Hương nam tuyết bắc tin xuân bắt,
Nền nguyệt thêm vân giấc mộng hờ.
Muốn nghĩ vài câu xa gửi bạn*

Người đâu bên nước bóng lơ-mờ ?

Mai-Am công-chúa, được bài thơ ấy, quá cảm-động, đọc đi đọc lại trăm lần chưa chán, bà còn xin để lộn vào tập hành-thế của bà. Không phải bà không có tài làm được thơ hay mà phải mượn bài ấy để làm duyên cho sách mình. Chính là bà muốn lưu lại một ít dấu thơm của cụ trong mình để làm kỷ-niệm !

Ấy biết : tuy hoa đã có chủ rồi mà đối với cụ, bà Mai-Am cũng-như bà Hương-Sơn vẫn chưa nỡ dứt hẳn mối tình ! Nhưng thế lại càng thêm bận bịu cho ai là khách râu mày.

Chả thế mà cụ đã cho cô đào hát rằng :

一聲河滿子
數淚落君前

Nhút thanh hà mạn tử (?)
Sổ lệ lạc quân tiền

Dịch :

Khúc tì bà bát-ngát giữa giang-thiên,
Cảnh lão-đại luống đau lòng Tư-mã.

除夕之夜
是耶非耶

Trừ tịch chi dạ
Thi da phi da ?

Dịch :

Giữa vùng soi, thấp thoáng mặt Hằng nga,
Còn nhớ khúc kỳ-đình năm nọ.

*Gắm thân thể, luống nức cười sự cũ,
Thôi thời thôi nhắc lại mà chi,
Cuộc trăm năm đeo lấy chữ tình si,
Phải được kẻ « tư không kiến quán »*

司空見慣⁶³

尋芳自覺三春晚
閱世無如半枕閒

*Tâm phương tự giác tam xuân vãn
Duyệt thế vô như bán chẩm nhàn
Trong vòng bạch-phát hồng-nhan.*

Dịch :

*Trách con tạo điên-đảo, đảo điên chi lắm bấy.
Đôi tay áo, rũ bụi đời thay-thảy !
Biết rằng đâu là ân là oán là nợ là duyên,
Vong tình là tiểu thần tiên.*

Tuy vậy tưởng cụ không nên vong tình, vì cuộc tình-duyên giữa các bà và cụ, đành rằng ngắn ngủi mặc dầu, song nó vẫn đã đánh giá cho cái đời tài-ba của cụ, nó đã làm cho thanh danh của cụ trở nên bất-tử vậy !

VI. TỰ TÍCH CỦA CỤ

不見
天擇所宜居者望不愛也

1. CHỮ CỦA CỤ NGUYỄN-HÀM-NINH VIẾT BÀI :

不見
不見雲岩叟
孤吟孰起予
家山千里外
文酒十年餘
彭澤歌歸去
西河感索居
春來康健未
何惜入行書

« Bất kiến »

*Bất kiến Vân nham tẩu⁶⁴
Cô ngâm thực khởi dư,
Gia sơn thiên lý ngoại,
Văn tửu thập niên dư.
Bành trạch ca qui khứ,
Tây hà cảm sách cư,
Xuân lai khang kiện vị ?
Hà tích bát hàng thư.*

Dịch :

« Không thấy »

*Người núi Vân không thấy
Nhờ ai khởi hứng cho ?
Rừng nhà nghìn dặm cách,
Chén rượu chục năm thừa.
Xiêm áo thân ràng-buộc,
Ruộng trưa bạn hát-hò.*

*Xuân về, người mạnh chữa ?
Chi tiếc tám hàng thơ ?*

2. CHỮ CỦA ÔNG CAO-BÁ-QUÁT PHÊ-BÌNH (Ở hàng đầu, dưới 2 chữ 不見 « Bất kiến ») : *Thiên cơ sở chí, lạc bút định bất phí tưởng* 天機所至落筆定不費想. (Khi thiên cơ đã đến, thì ra hạ bút không còn phải mất công nghĩ lâu).

3. CHỮ CỦA ÔNG TÙNG-THIỆN-VƯƠNG PHÊ-BÌNH (ở hàng cuối, dưới 4 chữ 惜八行書 « Tích bát hàng thư » và viết ra hàng đôi) : *Nhút khí a thành toàn vô phủ lạc ngân tích. Thử thịnh Đường sở dĩ siêu nhân dã. Dư ư thử thi diệc nhiên* 一氣呵成全無斧鑿痕迹此盛唐所以超人也予於此詩亦然 (cười một hơi mà thành ra bài thơ, không hề thấy dấu chạm tro đẽo gọt ở chỗ nào. Thơ buổi Thịnh-Đường sở dĩ hơn đời là thế. Tôi đối với bài thơ này cũng vậy). ⁶⁵

4. DẤU CHẤM VÀ KHUYÊN : dấu chấm và các khuyên ở xa chữ là dấu mực của ông Quát. Khuyên sát vào trong chữ là dấu son của ông Tùng.

VII. PHẢN THÚC-ƯỚC

TIỂU DẪN. – Làng T.H, trước kia, thường có cái lệ hát ả-đào để hầu thần. Họ soạn ra một bài quốc-văn theo điệu tứ-lục, dán lên mà đọc gọi là « Thúc-Uớc ». Trong đó người ta chuyên khoe khoang phong thổ, tán tụng nhân vật, còn những ô phong bại tục thì tuyệt nhiên không nói gì đến. Đành rằng làm thế thì chỉ khéo tỏ ý dung túng cho những mầm tệ thường nảy nở ra. Song chả biết người mình ai đã gây ra cái « phong trào » làm thúc ước như vậy ?

Hẳn thúc-ước ngày nay tức là ước thúc ngày xưa. Nhưng xưa kia chắc có thể-chế hẳn-hoi mà một ngày một lâu, bầu giờ người ta làm mất hẳn cái chân-cách của nó đi chẳng ? Thử lật sách ra mà xem : trong Chu-lễ có văn tư-ước, trong lễ-ký có lời ước tín. Lại theo cổ chế, trong mỗi làng đều có một bản hương-ước, phàm người đã cùng một ước với nhau thì việc hay cùng khuyên lớn, việc dở cùng chỉ vẽ, ai có điều lành thì chép lấy, ai có điều-lỗi cũng ghi lấy, đâu phải « tốt khoe, xấu che » như các bản thúc-ước ở « Ổ-nằm » ta ! Muốn đáp lại những bản thúc-ước thiếu sự thành thật ấy mà người ta đã làm trong làng, cụ Nguyễn-hàm-Ninh soạn ra bản « Phản-thúc-ước » này :

Mấy năm nay bua-việc nhẹ-nhàng ; làm ăn hồ hởi.

Ơn thần-linh đất-nước, nhà đủ người no ; bọn lý-dịch cai-hương, cha truyền con nối.

Phép xưa lễ cũ, hát-hồng bày một tiệc xôn-xao ; Bắt chập bỏ qua, nô-m-na kể vài câu giọng-lười.

Đình làng ta : hai giáp sum-vầy. Ba gian rộng-rãi.

Hồng Mụ-bà ⁶⁶ án hậu đâm sang ; Nhà Thủ-bộ mái tiền
vật trái.

Chê-chán thiên-nhiên của rú, biết bao phen trâu kéo
người sương (gánh) ; Hay ho địa-lý thầy làng, đã mấy sặc
(bận) dờ đi đổi lại. ⁶⁷

Hết táng lim, sang táng đá, mỗi cũng kiên răng ; Ròng
cây gũ với cây nao, mọt đành chặt lưỡi.

Cảnh tứ-thời cây-cối xanh-um ; chữ vạn-phúc son-vàng
đỏ chói. ⁶⁸

Ngoài đua đúm, gió xuân đón lại, trai đua mạnh, gái đua
mềm ; Trong cỗ bàn, chữ Á dâng lên, thịt đầy chằm, xôi đầy
đội (bát).

Công-đức thừa Ất-Dần ⁶⁹ tạo được, hậu-thần ⁷⁰ rành
những bậc kỳ-anh ; Khoa-danh năm Mậu-Dậu ⁷¹ đổ về,
Hương-đình ⁷² rặt những tay tuần-ngãi.

Cúc-cung ngành mặt quày ra ⁷³ ; Ấm-phước chuyển tay
ních mãi. ⁷⁴

Mật ngọt và câu hát phế, mưa xối tràn mâm ⁷⁵ ; Bọt sôi
ba chén rượu mè, sấm ran cả dĩa. ⁷⁶

Bầu Hậu-Đường ⁷⁷ ngon nước lá vằng ; Bánh Lân Thỏ ⁷⁸
thơm màu ruốc cáy.

Suồng-sàng nếp cũ cũng quen từng ; Thành chợ cách
nay càng phải thói.

Kẻ giàu-có tập chiều thanh-lịch, đồ trà bát mậu nhớn-nhờ ; Kẻ ăn chơi học phết kinh-kỳ đầy gấm áo sô đua-đại.

« Phong thuần tục mỹ » có đâu hơn ; « Nhân kiệt địa linh » âu hẳn vậy.

Táng đá Vua Lỗi sót lại, huyết công-hầu còn dành-dập núi Thành-thang⁷⁹, Cột cờ chúa Trịnh ngã rồi, dấu dinh-lự hãy chơn-vơn hòn Vọng-Bái.⁸⁰

Vàng bạc chú Ngô chôn những mấy, Câu-Lâu kia khói mịt ngàn xưa⁸¹. Gỗ trò nhà Nước kéo khi nao, Chập-chài nọ đá phơi một dải.⁸²

Con mang chạy xuống, chúng đều kinh⁸³ ; củi lụt trôi về, người phải lạy !⁸⁴

Mụ-mai bến cũ, thuyền tổng-ôn đẩy xuống quỉ chìm tằm.⁸⁵

Thánh-võ nền tân, bùa trấn-trạch dán lên ma bạt náy.⁸⁶

Chòi Cổng-thị du xuân thua nọ, kẻ thua người được, ai cũng kinh bài duộc cổ Chàng⁸⁷ ; Cầu Thượng-gia cúng đức năm nao, tháng lại ngày qua, ai cũng nhắc tiền trăm Điều-Ngoại.⁸⁸

Non xanh nước biếc, chán vẻ phong-quang ; Bóng đá chân sim, nhiều nơi địa-lợi.

Mật đường khôn chạy khỏi Chương-trù⁸⁹ ; Cá bống dễ đâu hơn Khe Bãi.

Trông Nhà-doản, trông Nha-môi ; Sáng-trắng Trưa-má⁹⁰, dầu lòng Vân-tán cửa săng⁹¹ ; Trông Đá-đen, Trông Đá-bạc, Lòng-lé, Sáo bầu⁹² chán sức Khe-Dang phát rậy.⁹³

Thổ-sản dư trên trại dưới làng, Lâm-lộc khắp đường nghìn (gần) chợ ngái (xa).

Động-Tấu, Hóc-tre⁹⁴ dư sức cùi, vai rùn Pháp-kệ, Đông-dương⁹⁵, Sũng-bùi Vọng-Tréo⁹⁶ thiếu gì than, trán sém Tú-loan Kẻ đại.⁹⁷

Sơn-lâm mỗi vẻ mỗi hay ; điền địa một ngày một mới.

Trong chăm trọ tan canh bịp rúc, tới mưa nón nắng khách cày-bừa ; Ngoài đồng-diền thẳng cánh cò bay, cơm rá nước bầu người cấy-hái.

Bờ đập chắn ngang một khúc, nước chảy tràn ruộng cạn ruộng sâu⁹⁸ ; Nương-Vườn dày khít từng dây, tre-pheo giáp khe con khe cái.

Giang-sơn như thế gấm nên xinh ; Nhân-vật buổi này xem cũng giỏi.

Phất cờ tướng phót lên đàn Đế-thích, hòng thí con xe mà về con pháo, lỏng trong tay nước được thua⁹⁹ ; Xách bầu tiên, xen vào đám Lưu-linh, đã say rượu Kìa, lại nhắm rượu Cầu, quên mấy giọng say nhân say ngãi¹⁰⁰. Thế-sự đành không có, có không ; Nhân-tình mặc phải chăng, chẳng phải.

Văn thí-trúng ngồi dòng chức-sắc, thầy tú tại-gia, thầy cử xuất-sị, giá tài-danh nổi tiếng xôn-xao ; Võ sung-biên đứng nóc quan-binh, chú thơ ngạch-ngoại, chú đội chỉ-dư, việc hương-đảng ra tay chống-chỏi.

Giấy củ nhàm tay biểng dờ, đến khoa-kỳ đem quyền lượt xem chơi ¹⁰¹ ; Giường cao vênh mảy (tréo chân) ngồi ngay, khi hương-ẩm chặt thủ heo vác tới. ¹⁰²

Phường quan-viên đã lắm người hay ; hàng tổng lý lại ghê tay sọi.

Hai trăm chuỗi quan trên nhắm xuống đạo thí-sai, son đóng đỏ nhăng hàng ; Mười tám làng dân dưới trông lên, dấu mộc-ký mực chần đen cả phái. ¹⁰³

Gậy chày, giáo-vật, vào điểm ra làng ; Vọng quảy, hòm mang, lên đồn xuống ải. Ruộng công, bồ lễ tết, thiên-quan nhờ thiên-lộc bổng dư ¹⁰⁴ ; Ngày kính, quắc đầu heo, quý vật đại quý-nhân thừa-thại. ¹⁰⁵

Lệ lục-giáp ngoài đình trống giục, một thầy phó-lý chạy mà run ¹⁰⁶ ; Lịnh ngũ-thân giữa đám giêng hồi, ba chú biên-binh khiêng đã mỏi. ¹⁰⁷

Khi quan sai, trăm việc đều đi ; Khi Thánh ứng, một (cả) nhà phải chạy ! ¹⁰⁸

Đĩa dầu đầy gạt mãi, chú Ho biết ý đã kinh-hồn ¹⁰⁹ ; Đội chè đặc bâng ra, thầy Vạo trông chừng đà áy-náy. ¹¹⁰

Miệng lưỡi. dao sắc-ngọt, thầy Tú-tài kinh bợm tay găng¹¹¹ ; Mũi mỏ cuốc đỏ lòm, bác Cai-xã chắc nơi chân cạy.¹¹²

Hô-ứng trong đảng-loại hữu-linh ; xuất-nhập chốn công-môn vô-ngại.

Thuế hai vụ « thu đa, nạp thiếu » dĩ trường-an hoa đá thiếu gì đâu¹¹³ ; Rượu hai bên « nguyên-hữu, bị-vô » thầy phù-thủy đầu gà đèn đã mảy.¹¹⁴

Cửa rộng thênh năm thước, Thổ-công rê một bụng ra nghiêng¹¹⁵ ; mình thấp-trệt vài gang, Hương-trưởng nhét lưng hòm đựng cúi.¹¹⁶

Chính-sự giỏi-giang rất mực, cánh sổ dân có chữ « Hoang-thai »¹¹⁷ ; Văn-chương đặt-bọng ngoa đời, con heo thác bởi câu « đôi-bại »¹¹⁸ ; Troắt ngọn roi tra nợ, dân khe Dang nhặng khắp đầy sân¹¹⁹ ; Khua hồi mõ nhóm làng, quan án cựa mồi ra khỏi chái.¹²⁰

Lời ăn tiếng nói vẫn ngang-tàng ; Quần rộng xống dài coi nhóng-nhười.

Dân lâm-phần mộng ơn vua tha cả, chính-suất năm quan, phụ-cư ba bốn, hãy nạp cho thầy lý với thầy cai¹²¹ ; Binh thủy-sư nhờ thầy đội lo giùm, mật ong một ché, tiền mặt năm trăm, may thuyền được đội mười qua đội bảy.¹²²

Thiệt là một nước đôi kênh ; Thiệt là một nhà hai chái.

Sĩ nửa nắng, nứt tài đầu-xứ, thoáng cổ bài, tỉnh mảy dẫu sở lèo¹²³ ; Nông vài mùa nổi cuộc giàu quê, chặt ống

khế, biết bao trượng đỡ-mại.

Công khéo-léo đẹo cày nêu cuốc, dầu chạm rồng vẽ
phượng cũng dư hay ; Thương thờ-ơ chum mật chiếu cau,
so vào lộng ra khơi đà chán lợi.

Ngư, nôm-nhủi trong bàn ngoài rộc, tràu, rô, cá gáy đầy
oi ; Tiều, rửa rìu lên động xuống khe, triêng củi, vác rào
chặt trại.

Canh thùng-thắng cày thuê kiếm bữa, chẵn mùa ra dư
áo dư khăn ; Mực thành-thời trâu gửi từng bầy, yên núi
được khỏi beo khỏi khái.

Săn đã có cai Vu thuộc núi, miếng ngon dư tái hoạn
nem nây ; Bắn ai bằng thợ Thắng khéo rình, đồ quý thiếu
ngà voi răng đáy.

Nhịp-nhàng may-mắn, sát thịt vì con chó bắt hơi ; Thợ-
thần hay-ngoa, đâm xơ bởi ông Rồng lạc giải. ¹²⁴

Ai ai đều khoái-lạc vô cùng ; Người-người được thanh
nhàn tự-tại.

Cổ nghĩ chữ « lão đương ích tráng » tay dẻo châu-cạn
chén hây hây ; Cháu nhớ câu « Xuân bất tái lai », gan ráp
mở, sạch bàn chải chải. ¹²⁵

Phong lưu hết cuộc trẻ cùng già ; lịch-sự đến điều trai
với gái.

Trai bách hạnh, dư ngàn dư vạn ¹²⁶ lưng chồn vùi, khí-
cụ hiên-ngang ; Gái tam-tòng, thêm bốn thêm năm ¹²⁷,
tiếng la bể ngôn-từ khẳng-khái.

Nghề xóc-đĩa mới đem về hay lạ, năm bảy anh đánh đuốc chơi đêm ; Chuyện đàn ghẹo, chưa đặt để đã hay, năm ba ả vác xe-kéo vải.

Trong hương thôn ai nấy đã mừng cho ; Ngoài ca xướng sự lễ này mách với.

Trước thời chúc thánh chúc thọ, mở ra chú kếp hãy tang-tình ; Sau thời hát bẫm hát giồn, đứng dậy đôi đào cho róng-rảy.

Không hớ đâu mà hứng nhận đeo ¹²⁸ ; Có nghe lọt mới cho cắc nhảy. ¹²⁹

Có tiền mua tiên cũng được, chớ quen tuồng ngồng-ngĩnh làm cao ; Ở ngọt thì lọt tận xương, hay gì thói ngung-ngặng làm ngáy.

Kể sao hết cuộc làm vui ; Rồi lại khuyên người đến giải.

Xôi thịt vừa thơm vừa béo, các « đẳng quan » xin đánh chén cho lì ; Trò-vè hay lỡm hay lừa, các rể xã phải soi châu cho sõi.

Rượu hai phe để đã xơi nao ; Tiền tám xóm biết là rằng nấy.

Thầy hoa phe cho thẳng cho sòng ; Kẻ bua việc đã tăng đã bởi.

Một miếng giữa làng, bằng một sàng trong bếp, cổ ngồi phần biểu phân-minh ; Một ngày ăn rày, thời bảy ngày ăn đâu, giấy trắng mực đen tỏ-giải.

Chú dẹp đám bua-quan cho sát việc, chớ hề ý ngoại
riêng-tây ; Nẫu đi coi đứng-đặt có hàng dây, không được
thối xưa bấ-m-nháy.

Đừng bắt cù nhăng, chẳng cù đế, để nghe tuồng đồng
thiếp sơn trang ; Chớ vầy thẳng nọ, mó thẳng kia, để coi
sạc bài hoa trò rồi.

Chặt đám phòng khi thiếu-khoảnh, dầm đã quen gốc thị
cây da ; Nhét bồ những thửa kinh-niên, vớt cho thẳng áo
sen quần sươi.

Ăn xem nôi, ngồi xem hướng cho êm ; Lành một chợ ; lọ
một nơi chớ bậy.

Trái quít hở-hang dầu kẻ, bắt được tay, vầy được cảnh
chớ đời ! Cặp ngà hở-hết mặc ai, coi bằng mắt, bắt bằng
tay mà nhởi. ¹³⁰

Buổi chơi-bời chớ có thờ-ơ ; Nơi đình-đám vốn hay ồn-
ây.

Sợ lúc ham vui mắc lộn, giày chú Cai ném xuống vực
Chùa ¹³¹ ; E khi quá giắc mà say, váy bà Hậu trôi về đồng
Bãi. ¹³²

Dặn dò đến thế cũng hay ; Xem sóc mấy ai cho trái.

Thôi tiệc này chán lúc vinh-hoa ; Bây giờ mới tỏ lời
khuyến-giải.

Trong thập thất hãy có người trung-tín, há rằng không
xóm đức làng nhân ; Trên Hoàng-thiên đã phú tánh tri-
năng, âu cũng biết đường khôn sự đại.

Ăn cây nào rào cây nấy, chôn giàu cắt dún là đây ; Mất lòng trước, được lòng sau, xé ruột phơi gan mà nói.

Cây da cũ, một cây lửa ngược, đàn Tiên-nông bước tới những thêm đau ¹³³ ; Miếu thần linh trăm việc hương nguyên, sách điển-lệ xin làm sao lại đổi ? ¹³⁴ Đạo trên đầu há phải rằng chơi ; Vạ sau ót sao mà chẳng đoái ?

Suy trong « thần oán » đã nên lo ; Nghĩ nổi « dân nham » càng đáng náy !

« Sinh cung tử » phải đeo thềm cự oán, công-đức chi mà rộng miệng khoe-khoang ¹³⁵ « Công chiếm tư » chưa rửa sạch tiền-khiên, tình-tệ ấy lại quen noi lừng-lẫy. ¹³⁶

Giọng việc Iàng, mắt mớp cả quan dân ; Nghề chiều cháu, mem cơm từ cổ vãi.

Thước ruộng tắc vườn là của nước, bỏ đi đặt lại, chẳng phân phì sao xếp sổ làm thình ¹³⁷ ; Đồng tiền lượng bạc há riêng ai, trang nợ tờ kia, muốn tư-tệ lại tìm đường mà chấy. ¹³⁸

Mỡ dân rán đã đầy sanh ; Da đất quét vừa chát đay.

Chớ nghĩ miệng hùm da bọt, lạng ao động biển vốn cơ thường ¹³⁹ ; Chỉ e mặt sửa gan lim, kẻ tóc chân tơ khôn lẽ bởi ¹⁴⁰ ; Nghề bớt-xớ để nợ đời sau ; Lòng ở thiệt, hơn cha quí quái.

Bổng chốc làm sang làm cả, áo sợi vàng còn để chuyện đời xưa ¹⁴¹ ; Hay chỉ nửa chợ nửa làng, cùi thầy địa đã đau đòn năm ngoái ¹⁴² . Theo chân voi, đòi chân ngựa, miệng

bình bưng kín thể là xong ; Chắp đầu cá, vá đầu tôm, mặt lượt vương sưa (thưa) ai chẳng thấy ? Kẻ hương lý thôi ra¹⁴³ đành phận trước, góp-lướm sưa-bơi đà rảnh xác, chớ nhúng chàm những việc thày-lay ; Người khoa-danh dành lại để dùng sau, giùi-mài rèn-tập phải, ra công, chớ vạch lá thêm điều bối-chải.

Ách giữa đàng, mang vào cổ, rồi ra lăm tiếng thị-phi ; Đòn giữa đất, cất lên lưng, thể cũng nhiều phen lợi hại.

Sao đặng : đầu đi đuôi lọt, một nhà vui, êm-ấm trong ngoài ; sao cho nước chảy bè xuôi, trăm miệng hợp thuận-hòa trên dưới.

Biết đâu trương-cử cho đàng ; Liệu đã xa-khơi khôn với (với).

Nào kẻ miệng hô tay cấp, nếp y-quan xem phải mặt hay chưa ; Những nơi bóng mát cây cao, chồi phần-tử nữ đang tay thế ấy.¹⁴⁴

Thớ-lợ anh-anh chú chú, gai sau lưng, ngảnh lại mà run ; Đong-đưa nói-nói cười-cười, đình trước mắt trông ra những trói !

Gẫm nhân-tình gươm rỉ muốn reo lên ; Tưởng thế-sự, xương khô nên dựng dậy.

Đánh chó còn hồng ngó bát, danh-khí chung sao nữ dày-vò ; Rút dây lại sợ động rừng, căn-bản ấy, hãy còn ái-ngại.¹⁴⁵

Cao-minh đành có quỷ dòm nhà ; Thiện ác lẽ đâu trời sót lưới.

Thuyền mạch áo đề lúc ấy, cổ-nhân sao lãng nghĩa non-sông ; Chiếc gà đấu rượu năm xưa, đồng-tĩnh há riêng duyên kim-cải. ¹⁴⁶

Miệng đời tạc để nên bia ; Dạ thể mỏng đâu quá giấy !

Bận áo qua nơi lửa-quốc, nếp cồn-y âu có lúc trường mình ; Đeo hương vào chốn bào-ngư, đầu lam-xạ cũng ghe phen nén mũi.

Cửa tam-kính muốn giục giày đi lại, tị-lân đâu có khách giường-cầu ; Giá thiên-kim dầu mở tủ đem ra, dạ-lão ai hay đồ đỉnh-đối.

Đồ long đã xếp nghề hay ; Ẩn-báo lại nương chốn tối.

Hạc nội mây ngàn là bạn cũ, cảnh tiều-liêu há chặt áng sơn-lâm ¹⁴⁷ ; Canh rau cơm hẩm cũng ơn thừa, giấc hồ-diệp đã lần chừng quan-cải.

Rày nhân một cuộc cờ tàn ; bốn dây đàn gảy.

Đến khi « hứng tận bi lai » ; Nghĩ nổi « sự tùy niên cải ».

Hay dở đã đành nét bút, đỡ buồn dễ khiến trẻ ngâm chơi ; Phải chẳng phó mặc ngoài tai, vượt bụng xin tha người nói quấy.

Vì muốn con trẻ đàn bà nghe được rõ, dầu trong ấy khi riều khi cười, khi nao khi nức, nôm-na pha mấy giọng nhà quê ; Dám xin người sang kẻ quý xét cho mình, thiếu nơi nao là khe là suối là động là đèo, ước cũ sẵn cả bài thầy Ái. ¹⁴⁸

NGUYỄN-HÀM-NINH

= HẾT =

SÁCH CỦA THƯ QUÁN XUẤT BẢN

- Vận-văn bách-tuyển của Dương-Tự-Quán. 0\$35
- Tập bài thi bằng Sơ-học yếu-lược của Dương-Tự-Quán và Dương-Quảng-Hàm. 0\$35
- Recueil de Dictées au Certificat et aux Concours d'admission của Dương-Quảng-Hàm. 0\$45
- 82 bài luận quốc-văn của Nguyễn-Đức-Bảo. 0\$30
- Sơ-học tâm-đắc của Nguyễn-Đức-Bảo. 0\$30
- 120 bài học thuộc lòng của Trần-Lập-Trác. 0\$25
- Gia-lễ giản-yếu của Dương-Bá-Trạc. 0\$15
- Nét mực tình của Dương-Bá-Trạc. 0\$30
- Tiếng gọi đàn của Dương-Bá-Trạc. 0\$20
- Nam nữ tu-tri của Hồng-Chung-Anh. 0\$25
- Nông-lâm hóa-học kỹ-nghệ của Phí-Công-Tuất. 0\$20
- Grandeurs et Servitudes de Nguyễn-Văn-Nguyên của Nguyễn-Vỹ. 0\$45
- Eurydice của Nguyễn-Tiến-Lãng. 0\$15
- Bên nghĩa bên tình của Trịnh-Đình-Xuyên. 0\$10
- Không một tiếng vang của Vũ-Trọng-Phụng. 0\$20
- Học làm sang của Thái-Phỉ. 0\$15
- Công việc nhà băng của Dương-Tự-Nguyên. 1\$20
- Kiều-vận tập-thành của Nguyễn-Cư. 0\$20
- Phép bói Kiều của Nguyễn-Cư. 0\$03

- Sách đoán mộng. 0\$20
- Chiêm-Thành lược-khảo của bà Huỳnh-thị-Bảo-Hoà, có Tựa của ông Phạm-Quỳnh. 0\$30
- Nam-quốc nữ-lưu của Sở-Cuồng Lê-Dư. 0\$15
- Nữ-lưu văn-học sử của Sở-Cuồng Lê-Dư. 0\$15
- Thiếu-niên tất-đọc của Trịnh-Đình-Xuyên. 0\$06
- Thời buổi này. 0\$15

Ai mua, gửi mandat đề tên : **DƯƠNG-TỰ-QUÁN, ở số 195, Hàng Bông – HANOI**. Mua một quyển, gửi bằng tem (cò) cũng được, nhớ thêm tiền cước từ 0\$03 đến 0\$09 tùy theo giá sách ít tiền hay nhiều tiền.



Notes

[←1]

Ở Quảng-Bình người ta thường gọi cụ là Trạng Ninh.

[← 2]

Cá bơn hình dẹp như lá vông.

[← 3]

Cá bống hình tròn mà dài.

[←4]

Đinh-gian (đương lấy việc gian nan) là nói các quan khi cha mẹ mất thì phải cáo về cho đến khi mãn tang mới làm quan lại. (Lệ này rày không có nữa).

[← 5]

Hai quan cùng bổ ra Bắc một năm.

[←6]

Đức-Thủy ở huyện Lục-Ngạn, Cam-Giang ở huyện Đường-Hào, hai huyện đó ở gần nhau, nhưng nay hai quan huyện đi mỗi người mỗi ngã, cho nên trời bến Đức dường ngái sông Cam.

[←7]

Đi tìm nơi dạy học mà lại bảo : Vì kẻ tìm thầy đến đấy chơi !

[←8]

Chỗ cù lập thảo đường, chính là nơi Vua Hoàn-Vương nước Chiêm-Thành đóng đô thừa xưa. Vậy là lúc thôi quan cũng như lúc làm quan, cù vẫn được ở gần nơi kinh-khuyết, của Vua Chiêm-Thành thì rày thành lũy đã đổ nát.

[←9]

Có chỗ như ở huyện BỐ-Trạch họ thường gọi tơ là nậy, nón là lịp.

[←10]

Đào-Tiền vếtch mảy (tréo chân) ở song bắc, tự xưng là người đời Hy-Hoàng.

[← 11]

Xem 3 bài họa lại rất hay của Tùng-thiện-Vương in ở dưới.

[←12]

Đen trời vàng đất, theo nghĩa sách Tào thì cho là buổi mới tạo thiên lập địa, dân còn chất-phác dã-man.

[←13]

Thơ văn của cụ dùng điển tích nhiều mà không thấy giải-thích gì. Duy những việc riêng của cụ, thì thỉnh thoảng mới chú một đôi câu. Như câu này, chú : « ngu thần đắc tội, viên thư dĩ đại-tịch nghị. Thượng đặc giảm phát Đà-Nẵng vi binh, bất số nhật hữu cải phái Thiên mục-tự trai đàn hiệu lực, tầm khởi phục hàn lâm trước tác, thủ vị nhất nguyệt gian nhĩ. Ấy biết người ta đã toan giết cụ đi, song nhờ có Vua Thiệu-Trị, cụ mới sống mà vào sung quân ở Tourane. Thế là ngục không định cụ làm quỉ (chết oan) mà lại định cụ làm người. Ý hay quá ! Hai câu thực ấy, trong Tĩnh-Trai thi tập của cụ, thấy ông Cao-bá-Quát và ông Tùng-thiện-Vương đua nhau khuyên đặc cả mặt giấy. Chính ông Tùng-thiện-Vương đã phê : « Biện hương Lý Đỗ » là nên thấp hương mà thờ lấy Lý-Bạch, Đỗ Phủ, hai người cũng hay thơ như mình ».

[← 14]

Sách Tàu chỉ sự hình phạt như mùa thu, cây cỏ xơ xác điêu tàn.

[←15]

Bài Tương-tấn-tửu của Lý-Bạch : quân bất kiến cao đường minh cảnh bị
bạch phát, triều như thanh ti, mộ như tuyết, nghĩa là : nhà ngươi chẳng
thấy hai cha mẹ đương soi gương thấy tóc bạc mà bùi ngùi : buổi sớm còn
xanh như tơ, mà đến chiều đã trông như tuyết.

[← 16]

Thôi chớ sứt sùi khi tạm biệt.

[←17]

Cụ có bà mẹ, và hai ông em : ông Tú Hàm-Trạch, và ông Cử Hàm-Nghi tức Hàm-Trực, làm Tri-huyện Nguyên-Hưng, có tài sáng tạo, như làm tàu thủy chạy giữa sông Gianh, sau bỏ quan theo ông Bạch-xỉ Đoàn-chí-Tuân, công việc vỡ lở, ông bỏ đi Tàu đâu mất, chỉ lưu lại một áng danh-văn mà nhà in Xưa-nay (Saigon) đã đem xuất-bản từ lâu và gọi là « Thơ Nàng Chuột ».

[← 18]

Nói cái hoa đèn.

[←19]

Bắc kỳ là cõi bắc, tây nhượng là đất tây.

« Vừng ngư há miệng gioi, Nuốt sao ngư sao đầu » là nói người có chí lớn, dịch thể vì có câu thành-ngữ : há miệng mà ngồi gioi, nghĩa là nhìn một cách chăm chú.

[←20]

Theo sách Nhị-nhạ, đến mùa cây vải, chim cứ bay kêu ở ngoài cồn dâu, tiếng nghe như là : « vải thóc, vải thóc » nên người ta gọi nó là chim bố-cốc (vải thóc).

[←21]

Thơ Thụy-yến của Tạ-tôn-Khả : « Khước quái quyển liêm nhân hoán lĩnh,
Tiểu Kiều thâm hạng tịch dương tây », lại có chữ : « thê thân mạc
thượng » đậu tiên màn, nói chỗ ở không yên ổn vững vàng, tỉ như khách
danh lợi.

[←22]

Thơ Mục-đồng của Hoàng-đình-Kiên làm khi 7 tuổi : Kỵ ngưi viện-viện quá tiền thôn, đoản địch hoành xuy cách lũng vắn. Đa thiếu trường yên danh lợi khách, cơ quan dụng tân bất như quân, nghĩa là : xa xa cưỡi trâu đi qua trước xóm, tay cầm ngang cái còi mà thổi vang đến bên kia núi. Bao nhiêu những khách danh lợi ở Thần-kinh thật chưa dễ dùng hết cơ-quan được như nhà người.

[←23]

Liệu-công là Liệu-hạ-Huệ, Trương-tử là Trương-Hành.

[←24]

Thiên-bầu Khai-nguyên là Vua Minh-Mệnh, Thiệu-Trị.

[←25]

Hợp châu là châu Hợp-phố, xem điển thích trong Kiều. Còn Âu-kiểm là cây gươm ở cõi Âu, do điển Khắc châu cầu kiếm nói người đi thuyền đánh rơi gươm, bèn gạch ở mạn thuyền làm dấu lấy chỗ gươm sa xuống để sau sẽ tìm, không nghĩ rằng rồi thuyền sẽ chèo đi chỗ khác.

[←26]

Đỉnh hồ là chỗ Vua Hoàng-để ra chơi rồi mất.

[←27]

Lý-Quảng người đời Hán, thầy tướng nói rằng ngài tay vượn, song số ngài lại là cơ số (số lẻ) nên không được phong hầu. Viên tí là tay vượn dùng về điển ấy.

[←28]

Cơm sǎng là dịch ở chữ tượng phạn, áo có là theo câu Đường thi : thanh bào tự thảo niên niên định.

[←29]

Bùn là nói khi thất-thời, mây là khi đắc thời.

[←30]

Bài này trước kia kẻ thì cho là của Hồ-xuân-Hương, người lại cãi là của Nguyễn Yên-Đỗ. Nay được thấy trong một tập di văn của cụ Nhâm-Sơn, do ông cháu cụ đem cho xem, trong ấy chép thơ nômi của nhiều danh sĩ đương thời, cả thơ của cụ, sau mấy chữ : « Tịnh-Trai sở trước dĩ hạ » thì thấy chép bài thơ trên, mới biết là của cụ.

[←31]

Hai chữ cảm thương chọi với chữ thuốc thang vì sách thuốc có chứng nội thương ngoại cảm.

[←32]

Những bài xướng họa ấy, chúng tôi đã nghe có người đọc, tiếc nay quên mất. Bao giờ hỏi lại được sẽ đăng lên báo.

[←33]

Tiêm xác loại thư : Tiều-thanh đi hái củi quế nấu trà suốt đời qua lại giữa cõi giang-hồ, không ai biết tầm tích ở đâu.

[←34]

Con hạc hể khi thấy bóng mình trong gương thì theo đá cũng tỉ như hai ngài thích văn chương.

[←35]

Dùng điển trong sách Tào, nói người hiền bị đày.

[←36]

Ông Thương-Sơn 倉山上公 tức là Tùng-Thiện-Vương 從善王, tên chữ là Trọng-Uyên 仲淵 hiệu là Bạch-Hào-Tử 白毫子.

[←37]

Người ta thường nói : một dải cát chạy dài ven sông, ven biển.

[←38]

Chữ màu (dịch ở chữ sắc) mới xem qua hình như không được, có nghĩ lại mới biết tác-giả đặt cao kỳ mà hay. Bởi vì tiếng chuông bay ra ở giữa cái đám xanh xanh màu của cây cỏ chẳng phải : chuông điểm giữa màu cây là gì ? Màu mà cũng có tiếng ! Thơ thể mới thật là thơ mới !

[←39]

Mình đứng giữa núi, cây cối mịt mù hầu quên cả phương-hướng, thế mà
bầy chim vẫn thuộc đường mà bay đi bay về, không sai lạc ! Ý hay !

[←40]

Thầy tu mà cũng dạo dưới trăng ?

[←41]

Bá-Đài 柏臺 là nói các quan ở bộ Hình. Trịnh-Cốc 鄭谷, người đời Đường, làm đô-quan (một chức quan ở Bộ-hình) thơ hay lắm. Về sau Mai-thánh-Du 梅聖俞 cũng thơ hay, cũng làm đến Đô-quan. Lưu-khương-Phủ 劉康誨 đùa rằng : « Hự ! Mai-thánh-Du làm quan đến đó nhỉ. Xưa có Trịnh-đô-Quan, rày có Mai-đô-Quan ! May mô may ! Khéo mô khéo ! »

[←42]

Thơ của Đỗ-Mục : « Kim đại phong tao tướng, thùi đẳng Lý Đỗ đàn » 今代風騷將，誰登李杜壇. Nghĩa là : Đời thánh tướng đàn van, mấy ai hàng Lý Đỗ, ý nói tướng thơ đời nay, ai nhảy lên đàn thơ Lý Bạch, Đỗ-Phủ làm thi bá một đời.

[←43]

Thơ của Hứa-Hồn 許渾 : Hoàng diệp hoàng hoa cổ thành lộ, thu phong thu vũ biệt gia nhân 黃葉黃花古城路, 秋風秋雨別家人. Nghĩa là : Thành cổ ruối nhìn hoa lá úa, Trời thu mưa gió cách non nhà.

[←44]

Về theo mây là nói được nhàn tản. Mây bạc là nói cụ về nhà được hầu hạ bà mẹ.

[←45]

Thơ của Lục-Khởi 陸凱 : Chiết mai phùng dịch sứ, ký dữ lũng đầu nhân.
Giang nam vô sở hữu, liêu tặng nhứt chi xuân 折梅逢驛使, 寄與隴頭人江南所
無有, 聊贈一枝春. Nghĩa là : Hải mai vừa gặp Trạm, khách Lũng dặn ân-cần.
Giang-Nam không thú lạ, tạm chút tặng cành xuân.

[←46]

Qui khứ lai từ 歸去來辭 của Đào-Tiềm 陶潛 : Vân vô tâm dĩ xuất trục, điều
quyện phi nhi tri hoàn 雲無心以出軸, 鳥倦飛而知還. Nghĩa là : Mây tình-cờ ra
khỏi núi, chim mỏi cánh biết bay về.

[←47]

Bạch-Cư-Dị 白居易 tức Bạch-Lạc thiên 白樂天, cáo quan về ở ẩn tại núi Hương-Sơn, tự hiệu là Hương-Sơn cư-sĩ 香山居士. Thơ văn của ông lưu lại toàn là những thiên kiệt tác.

[←48]

Một chín một mười nghĩa là không hơn thua nhau mấy, cũng như mình nói anh em (bá trọng).

[←49]

Đường thư : bà Võ-hậu đòi xem văn của Quách-Nguyên-Chấn 郭元振. Ông dâng thiên Bửu-Kiểm 寶劍 lên, và tấm tắc khen ngợi, câu này muốn nói thơ cụ được nhà vua và ông Tùng phục tài.

[←50]

Song nam đỉnh bắc là nói chỗ ẩn dật. Song nam là do câu trong bài qui khứ lai từ của Đào-Tiềm : Ý nam song dĩ ký ngạo 倚南窗以寄傲.

Đỉnh bắc tức là núi Bắc-Sơn hay chung sơn, chỗ mà Khổng-trị-Khuê 孔稚圭 đã có bài Bắc-Sơn di văn 北山移文, người có Hán học không ai không biết.

[←51]

Đỡ đây nghĩa là nâng đỡ lấy.

[←52]

Vua Huệ-Vương nước Triệu có hòn ngọc bích của họ Hòa dân, Vua Chiêu-Vương nước Tần nghe tiếng, xin đổi lấy 15 thành. Vua Triệu hỏi ý Lạn-Tương-Như. Ông bảo : Vua Tần đem thành mà đổi ngọc, đức vua không thuận, là rắc rối tại ta. Ta cứ đem ngọc cho họ, nếu họ không thường-thành (trả thành) lại, là rắc rối tại họ. Vậy tôi tình nguyện mang ngọc sang, nếu họ không trả thành, sẽ lại đòi ngọc đem về. Sau Tương-Như qua Tần, Vua Tần nhận ngọc rồi mà không hề nói đến chuyện đổi thành. Ông xin trả ngọc lại cho Vua Triệu và đem mình ông thế vào cho Tần. Vua Tần cảm động, giao ngọc cho Tương-Như mang về.

[←53]

Cổ nhạc phủ 古樂府 : nhật xuất đông nam ngọ, chiếu ngã Tần-thị lâu. Tần-thị hữu hảo nữ, tự ngôn danh La-phu 日出東南隅, 照我秦氏樓, 秦氏有好女, 自言名羅敷. Nghĩa là Bóng ác đông-nam ra, ánh chiếu lầu Tần ta. Họ Tần có gái đẹp, La-phu : hiệu Tố-nga.

[←54]

Thơ Lý-Bạch 李白 : tá vãn dục thê châu thụ hạc, hà niên khước hướng đế thành phi 借聞欲棲珠樹鶴，何年卻向帝城飛. Nghĩa là muốn đậu cây châu kìa hỡi hạc, bay lên thành-khuyết lại năm nào ?

[←55]

Thơ Đỗ-Phủ : Thanh đạm sở liêm khán dịch kỳ 清簟疏簾看奕棋. Nghĩa là chiếu sạch rèm thưa xem đánh cờ.

[←56]

Tạ-Yến-Thạch hỏi : Bạch tuyết phân phân hà sở tự 白雪紛紛何所似 : Tuyết trắng bay man mác giống như gì ? chẳng theo vần tự, còn người anh là Lạng nói : Tán diêm không trung sai khả nghị 撒鹽空中差可擬 có thể tỉ với muối vãi tung lên trời ; cô con gái người anh là Tạ-đạo-Uẩn nói : vị nhược liệu như nhơn phong khí 未若柳絮因風起 : chưa bằng sánh với hoa liễu lúc gặp gió mà bay lên.

[←57]

Thơ của Chu-Khánh-Dư : Hàm tình dục thuyết cung trung sự, anh võ tiền đầu bất cảm ngôn 含情欲說宮中事.鸚鵡前頭不敢言 là người cung-nữ ôm lòng thương nhớ muốn nói ra lại sợ có con anh-võ đậu ở đằng trước nó nghe. Nhưng cụ bảo : cứ nói : con anh-võ của cụ đấy ! Còn hai chữ « Anh-Kha » là mượn trong truyện Xuân-chữ Ký-văn : Hàn-phượng-Nghị làm thông-phán ở Lụng-Châu, người nhà bắt được một con anh-võ đem về bỏ lồng để nuôi. Thấy nó buồn rầu, ông liền bảo thả ra. Sau người nhà của quan phán đi đường ngồi nghỉ dưới gốc cây, thoát nghe có con anh-võ kêu hỏi bác còn nhớ ta chẳng, ta là chàng Anh mà quan phán nuôi lúc xưa (ngã tiên thị Hàn Thông phán gia sở dưỡng anh-kha đã) xin có lời gửi thăm ngài, v.v...

[←58]

Ngọc-khê Phi-khanh Đoan-kỷ đều có thơ gheo bà chúa.

[←59]

Ông Cao-bá-Quát thì phê : Cao bộ trung Đường, phủ thị dư tử 高步中唐俯視
餘子 nghĩa là một bài thơ hay đời Trung-Đường đáng cho các nhà thơ khác
bắt chước.

[←60]

Giồng trúc : Đường thư bách quan chí chép : quan Tư-Trúc xem về việc giồng tre để đan lát đồ dùng trong cung ; dời mai : Thơ của Đỗ-Phủ : Yên đắc kiện bộ di viễn mai, loạn tháp phồn hoa hướng tình-hiệu 安得健步移遠梅,亂插繁花向晴昊, nghĩa là ước chỉ được mạnh chân mà dời giồng mai ra giồng thật xa, giồng cho thật nhiều vào giữa đám hoa hòe, cho nó châu mặt trời. Giồng trúc dời mai lại có ý nói thay đổi lời nguyên cầm-sắt, vì sách Tàu cho trúc mai là tượng vợ chồng.

[←61]

Thơ Lý-Bạch : « Hoàng hạc lâu trung xuy ngọc địch, giang thành ngũ nguyệt lạc mai hoa » 黃鶴樓中吹玉笛，江城五月落梅花 : Tiếng ngọc-địch trong lầu Hoàng-hạc bay ra, thì ngoài sông, dọc thành, hoa mai rụng cánh. Đó là về tiết tháng năm.

[←62]

Trong Quần-phương-phổ, đoạn nói về hoa mai có câu ; xuân hiều hoành cô san, thủy biên li lạc gian 春曉橫孤山水邊離落間. Lúc xuân vừa sang thì thấy hoa mai nở ra lang ngang cả núi ; và trong các rào-giạo ở dọc bờ sông.

[←63]

Vân-kê hữu nghị : Lưu vũ Tích bổ ra làm ở Tô-Châu, đi qua Dương-Châu, Châu Súc là ông Đỗ-Hồng-Tiệm đãi rượu, Vũ-Tích cả say lúc trở về trạm đã gần tảng thấy hai người đẹp đứng hai bên, lấy làm lạ, hỏi có việc gì, đáp : quan Lang trung trong tiệc có thơ tặng ngài, nhơn bảo chúng tôi đến hầu ngài choặng êm giấc. Thơ : 高髻雲鬟宮樣妝. 春風一曲杜韋娘. 司空見慣渾閑事. 惱亂蘇州刺史腸.

[←64]

Vân-Nham là hiệu của một ông bạn của cụ người làng Vân-Tập cũng ở Quảng-Trạch (Quảng-Bình).

[←65]

Lời phê này rõ đã tả ra cái tài mẫn-tiếp của cụ, lời thơ tự nhiên, không gò gẫm gì mà hay. Trong Tịnh-Trai thi tập, đem cho ông Tùng phê bình, biết bao nhiêu những bài xướng họa với ông, hay với nhà vua, cụ đều để : Túc tịch ứng giáo thứ vận 即席應教次韻 nghĩa là vâng lời họa ngay trong tiệc, ghê chưa.

[←66]

Hông Mụ-bà là tên một cái hông, nghĩa là thung lũng núi, trong có miếu Mụ-Bà và hương-phần của cụ.

[←67]

Vì làng sẵn có cửa rú, sǎng gổ u-ê, nên cái đình nay xây chỗ này, mai lại dời đi chỗ khác, không sợ hao kém cho dân.

[←68]

Trong đình có bức Hoành, sơn son thếp vàng, đề hai chữ : « Vạn-phúc ».

[←69]

Không bao giờ có năm gì gọi là năm Ất-Dần.

[←70]

Hậu-thần là những người có công-đức gì với làng-nước, nên làng bầu sẵn lên để sau khi người ấy về thần rồi thì làng sẽ đem vào lòng văn-tế, kể mấy vị thần, bốn mùa được làng săn-sóc nhang-khói cho như một vị thần vậy.

[←71]

Không bao giờ có năm gì gọi là năm Mậu-Dậu.

[←72]

Trong làng có đặt ra cái hiệu Hương-đình để tặng cho các nhà nào chịu giúp cho làng một số tiền lớn mấy trăm quan đó. Ai giàu có mà mua lấy cái hiệu ấy thì trong khi Hương ảm sẽ được ngồi trước các nhà khoa giáp.

[←73]

Có người được mời vào chu-tế, nghe tướng-lễ xướng « cúc cung » là cúi mình xuống, mà ngài lại ngảnh mặt quày ra !

[←74]

Ấm phước là cho uống chén rượu phước, người tướng lễ vâng theo ý thần linh mà truyền quan chánh-tế như thế, nhưng thường thì các quan chỉ cầm lấy mà vái rồi thôn sẽ bưng rượu ấy đến tận nhà cho mình. Song đây quan chủ-tế ta uống ngay lúc đó rồi lại chuyển cho hai người tư-văn đứng hầu hai bên.

[←75]

Mưa xối tràn mâm là nói xối tiền ra thưởng cho đào, nhưng còn có ý nghịch khác nữa.

[←76]

Sấm ran cả dãy là nói các ông đánh chén say, quất-nạt nhau. Nhưng cũng có ý tại ngôn ngoại.

[←77]

Hậu Đường : tên người.

[←78]

Lân Thỏ : tên người.

[←79]

Núi Thành Thang, trước kia Vua Hoàn-Vương nước Chiêm-Thành đóng đô tại đây.

[←80]

Lúc chúa Trịnh vào đánh Vua Nguyễn, có lập đồn binh tại Trung-Thuần này nhưng bây giờ còn lấy tên là Trung-Ái.

[←81]

Khi kinh-đô Chiêm-Thành thất-thủ, nghe nói có mấy người Tàu sang giúp cho Vua Chiêm-Thành trốn về nước, chôn lại một mớ vàng bạc ở rừng Câu-Lâu, nên sinh thần tài.

[←82]

Một hôm có gió bão lớn, rồi nước dâng lên ngập trời, sáng dậy trông lên núi Chóp-Chài, thấy một dải đá vỡ ra trắng xóa từ trên đỉnh núi chạy xuống. Dân mê tín, bảo đó là đường nhà Nước (nghĩa là Vua Hà-Bá) lên đốn gỗ trò đem về âm-cung. Cái đất mà sản ra được một thứ gỗ, đến nỗi Vua Hà-bá cũng phải cần đến, rõ thật là một nơi đại địa !

[←83]

Có con mang chạy xuống đồng mà không ai dám đuổi theo cả, họ bảo rằng của Thần !

[←84]

Củi lượ trên núi trôi về, người ta cho là gỗ trôi của Vua Hà-bá, nên không dám vớt về thối, khi gỗ ấy trôi sang làng Pháp-Kệ, người ở đấy lại bận áo thụng, đốt hương trầm, lạy xin « bề trên » kéo đi nơi khác !

[←85]

Có một thầy phù-thủy là tay tinh-ma trong làng, được làng mới ra làm lễ tống-ôn. Khi thuyền ôn đã rảo khắp làng để rước ôn-hoàng dịch-lệ lên thuyền rồi đến bến Mụ-Mai, đáng lẽ thầy Pháp phải nhảy mau xuống đất, để mấy người khiêng thuyền, họ tống thuyền ra giữa dòng nước. Nhưng thầy Pháp này lại làm lúng túng thế nào để họ đổ xuống sông luôn với « tà ma ngoại đạo » làm cho thầy uống nước mặn một bụng căng-kề ! Có kẻ rửa răng đáng kiếp ! Vì như trên đã nói thầy cũng là một con quỷ trong làng.

[←86]

Sau khi tu bổ lại nền thờ đức Thánh-võ, làng rước thầy đến khai quang tẩy uế và trấn quỷ trừ tà. Thấy bùa trừ dán lên, một ông Tú trong làng nói đùa rằng : Dễ thường đức Thánh-võ cũng sợ yêu quái nên mới cần đến thầy Pháp trừ khử cho, không thì cần gì ?

[←87]

Có một ông chức sắc, hể cầm đến con bài thì « bách chiến bách thắng » ; cuộc đánh bài chòi ở chợ cống trong mùa xuân nọ, đã làm cho ông trở nên giàu to, nên ví ông cũng như một người thợ giỏi, dân làng kêu ông bằng « cố chàng ».

[←88]

Ông bà Điều-ngoại tức là Nguyễn-Húc thấy cầu Thượng-Gia sập đổ, ông xuất ra một số tiền lớn cúng cho làng để lo bắc lại, không dè bọn hương lý nuốt mất !

[←89]

Chương-trù : Tên đất.

[←90]

Trưa-má : Tên núi.

[←91]

Người làng Vân-Tán Kỳ-Anh ; thửa trước họ đi làm thợ mộc đồng lằm,
không một chỗ nào không có dấu chân của họ.

[←92]

Sáo bầu : Tên núi

[←93]

Người Khe Dang (trong làng) chuyên nghề phát rậy.

[←94]

Hóc-tre : Tên đất.

[←95]

Người Pháp-kệ, Đông-dương, hai làng bên cạnh hay qua đốn củi.

[←96]

Vọng-tréo : Tên đất.

[←97]

Người Tú-Loan Kẻ-Đại, hai làng bên cạnh, hay qua đốt than.

[←98]

Trong làng có ông quan Võ phong đến tước hầu, có đắp cho làng một cái đập để trừ lụt, sau lở đi một khúc mà làng không chịu đắp lại.

[←99]

Em của cụ, ông Tú Nguyễn-hàm-Trạch đánh cờ cao, ngày ngày chỉ lên xe xuống ngựa trên bàn son, thúc pháo giục binh đánh với một người !

[←100]

Cụ vốn hay rượu, và thích cô đào. Thường bảo cô đào hát câu : « Ma hèm quen thói say sưa ; đã say rượu Kìa lại mơ rượu Cầu » (câu ấy đã giải nghĩa trong sách này). Lại có câu : Say là say ngãi say nhân, say thơ Lý-Bạch, say đờn Bá-Nha.

[←101]

Có một vị chức-sắc trong làng học dốt, lúc vào trường thi phải đem lên sách theo.

[←102]

Mấy ông quan võ trong làng dành nhau một cái đầu heo, một ông dành không được, giận quá, xách thủ heo vứt ra sân. Làng bắt vạ, phải về giết ngay một con heo khác để lấy thủ mà đền lại cho làng đi biếu.

[←103]

Một nhà hào-phú đem hai trăm lòi tiền đút cho quan phủ, để lấy một mảnh « giấy » thí-sai cai-tổng, về làng anh ta đặc ý lắm, rượu say lại đập trống gọi cô đào đến hát, rồi bắt các cô ngâm câu Kiều : Nghĩ mình phương diện quốc gia, quan trên nhắm xuống, người ta trông vào.

[←104]

Thường năm làng vẫn phải đi tết viên cai-tổng, song một năm nào đó, bọn hương lý làm ngang, lại xúp quách đi, viên Cai-tổng bèn chiếm lấy một mẫu ruộng công, bảo rằng đó là để trừ vào lễ tết mà làng thiếu ông ta.

[←105]

Viên cai tổng ở phủ về nhằm ngày kính (là ngày : kiêng ăn thịt) giữa đường gặp một tên dân nghèo xách cái thũ heo. Thầy tổng bắt lỗi, rồi « tịch biên » bằng miệng lấy cái thũ heo ấy, tên kia theo xin xỏ, kêu rằng nó mua về để sáng mai đi cưới vợ, nhưng thầy tổng quyết không cho. Trong người thầy đã sẵn hơi men, mà hơi men lại hay bắt thịt rất quá, nên thầy vừa đi vừa cắn mất cả tai cả mũi cái thũ. Anh kia tiếc của, đứng khóc ngon-lành ! Thầy cả giận vất cái thũ heo qua nóc-nhà bên đường, rồi quày lại đá đại vào anh, thương hại anh dân trúng chỗ hiểm, lăn ra chết giắc. Người mẹ nghe tin con, chạy đến toan đi trình quan, thầy tổng phải cho mụ 30 quan cho êm chuyện.

[←106]

Cũng viên cai tổng, rượu say, khi không, ra đình gióng trống lên gọi cô đào đến hát, tên phó-lý chạy đến, bị thầy quát cho.

[←107]

Lại cũng viên cai-tổng làm lễ tang cho mẹ, cả đám lấy giêng làng mà đánh, hai tên lính về nghỉ phép thấy vậy, tức máu, vào giành lấy giêng định đi trình quan, nhưng đi được nửa đường bên kia theo van-vái thế nào mà thu-xếp với nhau yên được.

[←108]

Cũng còn chuyện ông Cai-tổng, ông có tánh hay ngự đồng, xưng là đức Quan-công.

[←109]

Làng hát ở đình, ông Cai-tổng thấy hai đào ngon mắt quá, nhưng cực một nỗi một đào lại là hôn-thê của anh Ho làm kép. Ông nghĩ được mưu gì hay, bồng cứ theo đĩa dầu đậu còn đầy mà gạt mãi. Anh Ho cho là thầy tổng muốn làm vậy cho dầu hết, đèn tắt, để thi-hành mưu kế của mình, nên vội kéo hai đào bỏ chạy.

[←110]

Thầy Cai-tổng có tánh hay thương lén vợ người, mà thầy Vạo trong làng lại có cô hầu sắc-sảo, ý đã sợ, lại thấy bác Tổng mò đến chơi, cô hầu không để bọn tôi tớ hầu khách, lại thân hành nấu chè bưng ra mời khách tận tay. Khách về, hai vợ chồng thầy Vạo sinh ra bất hòa.

[←111]

Có ông Tú-tài trong làng trực tánh, công kích bác Cai-tổng giữa đình, bị phe đảng của bác nổi dậy làm cho một trận ghê tay.

[←112]

Ông Cai-xã trong làng thấy bác Cai-tổng « hùng hao » bèn cùng bác kết nghĩa làm thông-gia.

[←113]

Thuế thì ít mà các bác làng phù thu lạm bỏ ra cho nhiều, dân đòi kiện, thì các bác bảo : « Cho bay làm gì thì làm, chúng tao cũng như dĩ trưởng-an đã có hoa đó ra rồi, nghĩa là đã quen nơi lũng lầy, còn có sợ gì ? »

[←114]

Bên nguyên đi kiện thì mất rượu, bên bị đi khai thì không mất rượu, nhưng lại có tiền, bác làng xử cho bên bị được, bên nguyên đòi lại các lễ-lạc thì bị mắng : « Sao ngu thế mày ? Thầy phù-thủy đời nào đến đầu gà ? »

[←115]

Bác xã đi tuần, thấy nhà kia có lễ cúng đất, lễ-vật bày la liệt, bác ghé vào mà nói đùa : « Lễ hậu dữ ! dầu bụng thổ-địa cũng làm gì hết, vậy soạn ra để xã làm giùm cho. Bữa ấy xã được bữa say no, say quá đến nỗi không về được, phải ngủ lại nhưng khuya tỉnh dậy, đau bụng quá, không kịp chạy đi xa, phải sẽ hé cửa (nên nói ra nghiêng) mà ra ngồi ở đầu hè ».

[←116]

Hương-trưởng mĩa Cai xã : « Mấy to cao thế, sao, sau chết, sảng đâu mà lượm cho vừa ? » Cai xã đáp : « Ừ phải nhỉ, như mấy thấp trệt có vài gang mà khỏe, nhét vào cái hòm cúi cũng xong ! » Cúi là bông lẩn lại, sau khi đã bắn mà lấy hột đi rồi.

[←117]

Ông Cai-xã hiềm một người đàn bà trong làng, nên trong sổ định đem trình quan chưa rằng người con trai của bà ấy đương đứng vào hạng hoàng-đinh là hoang-thai. Quan bảo là hoang-thai sao đến giờ mới trình ? Bác xã bị phạt.

[←118]

Sau một trận thủy-tai, đình làng sập mất mấy chỗ, Cai-xã làm tờ trình, quá dốt, viết rằng « Thần từ đòi bại » quan phủ bắt phải làm heo mà tạ lỗi bất kính với thần minh.

[←119]

Dân xóm Khe đang vay nợ của Cai-xã đến hạn chưa có mà giả, bác gọi đến nhà nọc ra đánh, may có cụ đến, bọn khốn nạn kia mới đỡ được không biết bao nhiêu đòn.

[←120]

Quan án Cựu là cụ.

[←121]

Vua Tự-Đức có tồ dụ cho dân lâm-phần (làm ăn trong rừng) được miễn thân thuế, nhưng các bác làng chùng như không nghe đến hai chữ « Khâm thử ! »

[←122]

Trong làng có mấy người được tuyển vào ngạch lính thủy ở đội 10 tại Kinh, thầy đội hưu-trí nọ bàn rằng tại Kinh thầy quen biết nhiều thượng quan, để thầy lo cho về tỉnh cho gần, nhưng vẫn không lo được, à quên, có, song chỉ thuyền được đội 10 qua đội 7, cũng tại Huế !

[←123]

Con một vị chức-sắc nọ, không học hành được bao nhiêu, ngày chỉ cặm cụi trong sòng đèn đỏ, thế mà đến lúc hạch thí-sanh, nhờ ai làm bài cho, được lấy đỗ đầu-xứ.

[←124]

Ông Tú Rồng đi săn, hươu chạy lạc ra đến Kỳ-Anh, bị thầy lại ở đấy đòi chia một nửa thịt. Thầy Tú có tức sự thành một bài tử-tuyệt bằng quốc-văn, song không hay lắm nên đây không chép ra.

[←125]

Một người kỳ-lão trong làng thích nghe hát cô đào, ông bạn khen rằng :
« Ngài đã ngoài bảy mươi, tiếng trống chầu đánh còn mạnh mẽ giống-giả lắm ».Đứa cháu vốn hay xóc-đĩa nói hớt rằng : « Chơi xuân kéo hết xuân đi, dầu đã già rồi cũng nên gắng lấy ! »

[←126]

Trai bách-hạnh dư ngàn dư vạn, nghĩa là đông lắm, song cũng có nghĩa là dư ra đến ngàn vạn hạnh. « Nhân sinh bách hạnh... » chỉ cần đủ 100 nết mà thôi, dư ra làm gì nhiều thế, chắc là những nết xấu.

[←127]

Gái tam tòng thêm bốn thêm năm, nghĩa là rày thêm bốn người, mai lại thêm năm người con gái biết đạo tam tòng. Song cũng có nghĩa ngoài ba « tòng » lại thêm bốn năm « tòng » nữa, hẳn là tòng « mèo » tòng « chuột » gì nữa đấy chứ chẳng không !

[←128]

Cụ có cho cô đào Truyền một chiếc nhẫn vàng, người ta không hớ ra như
cụ đâu mà hòng hứng lấy.

[←129]

Cắc là tùng cắc, tiếng khắc chang trống khi nghe câu đặc-ý.

[←130]

Trái quít, cặp ngà, là cái gì trong lể thân vàng ngọc của con người đẹp ?

[←131]

Có cuộc hát ả-đào ở đình, thầy cai vào cầm châu, không thưởng được chữ nào, mà mắt lại thích ngó mấy đóa hồng nhan. Con hát nhân dịp ấy rút giày của thầy ném xuống vực mà thầy không biết.

[←132]

Một bà hậu-thần đi xem hát ở đình, nằm ngủ quên ở sau hè, anh nào chơi ngăng lật trường hết quần áo. Rạng ngày bà tỉnh dậy hổ-người quá, phải lấy áo rộng xanh của quan Hậu thần mà bận về nhà. Giữa đường thấy áo quần mình trôi lơ lửng giữa đồng Bải.

[←133]

Gần đàn Tiên nông có một cây da cổ mấy trăm đời để lại, anh nào đem lửa đốt quách !

[←134]

Thấy sách điển lệ chép không đúng cách thức, cụ bảo làm lại, chúng chỉ vâng-vâng dạ-dạ cho qua chuyện !

[←135]

Bọn lý-dịch muốn ăn bớt tiền thuế, nhiều người vẫn còn sống để lo nạp cho các thầy, mà nhận rồi các thầy lại trình rằng họ đã qua đời, tiền thuế họ thì các thầy bỏ vào túi. Việc bị tiết-lộ, các thầy chạy chữa thế nào mà khỏi sa vào vòng lụy-tiến, nên nói là « đeo thằm cự án ».

[←136]

Chiếm ruộng công làm của tư, bị dân kiện, mắc án.

[←137]

Bao nhiêu công điền công thổ, các quan chiếm lấy hết phần nhiều, khẩu-phân của dân không được bao nhiêu, dân kêu ăn ruộng lại, các quan làm lơ.

[←138]

Chấy nghĩa là chấy-hóa xoay xở, bán cho người này cái trượng Thủ-bộ 50 quan, bán cho người kia cái trượng Cai-xã 100 quan, v.v...

[←139]

Cụ tuy khi giận thì hay nói, song nói qua rồi bỏ đó, không hay để tâm giận dữ thù hằn gì ai.

[←140]

Người khác thì trông bộ thật thà mà té ra lại thâm hiểm, độc ác.

[←141]

Lúc trước hể ai mặc áo gì sắc vàng là bị tội, thế mà một ông chức-sắc để người, đi làng lại bận cái áo thao vàng khè, bị bọn tư-thù giục phe đảng xông vào đè xuống mà lột đi...

[←142]

Nghe nói có thầy phong-thủy ở phương xa đến làm địa trong làng, một người hương chức chê là quê-mùa cộc-kệch sao đó, bị thầy làm cho một vố khá đau.

[←143]

Thôi ra là đã thôi việc rồi.

[←144]

Anh em Cụ bị bọn hương lý đặt lời vu-cáo mà kiện này nọ.

[←145]

Cụ muốn làm thẳng tay cho nó biết mặt một phen, song nghĩ không nỡ lòng nào.

[←146]

Bọn hương-chức vào xin quan Bõ mở một sòng bài trong làng, Cự không biết quan Bõ đã cho phép, nên về làng cự không cho mở. Chúng nó vào nhèm-pha với quan Bõ rằng : « Cự nói quan Bõ cho, mà cự không cho cũng chả làm gì ». Quan Bõ giận, bảo bọn lý-dịch về tìm điều mà vu-khống cự trước công-môn. Thế mà cự với quan Bõ nguyên là anh em bạn học đấy ! (Thuyền mạch áo đê, diễn nói bạn thân).

[←147]

Tiêu-liêu là một giống diều. Sách nho có câu : « Tiêu-liêu sào lâm bất quá nhút chi, Yến-thử ẩm hà bất quá mẫn phúc », nghĩa là chim diều đậu trong rừng, chập lăm chằng qua cũng chỉ mất một nhành, chuột nhắt uống nước sông, nhiều lăm chằng qua cũng chỉ vừa đầy bụng. Cụ dùng điển ấy để than sự tâm-ảm của mình : Nguyên cụ người Phù-Kinh, cũng ở trong một phủ Quảng-Trạch với Trung-Ái, sau thiên-cư qua Trung-Ái, song thấy dân ở đấy không được thuần (dầu sau đã đổi lại Trung-Thuần) nên lúc đậu giải-nguyên, Cụ muốn về làng cũ. Song ở Phù-Kinh, bọn hương lý sợ cụ sẽ giành mất cái thủ heo, nên không chịu nhìn. Người ta đồn rằng nhân thể mà Cụ giận lắm, lúc Cụ lên chơi ở lèn mũi Hôn gần Phù-Kinh, tự nhiên lèn vỡ mất một tảng đá lớn lô nhào xuống sông, nước bắn lên ước chừng ướt cả vùng nhật, Cụ cười nhạt rằng : Nếu dân Phù-Kinh seo được tảng đá ấy lên bãi thì sau này làng nó mới mong có người xuất chúng ra đời. Nhưng ai seo được ? Làng ấy bị điêu tàn một độ, nay mới gần cất đầu lên được, người ta bảo rằng vì bạc đãi Tiên-sinh mới nên nỗi ấy.

[←148]

Trong làng Trung-Thuần, trước kia thầy Ái có làm một bài Thúc-ước.